

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## **BẢN CÁO BẠCH**

### **CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH - TKV**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5700101877 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/07/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 09/07/2010)

#### **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN**

#### **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Đăng ký niêm yết số: . . . /ĐKNY do... cấp ngày . . . tháng . . . năm 2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

**1. Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV:**

Trụ sở : 185, Đường Nguyễn Văn Cừ, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh.

**2. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam:**

Trụ sở : Tầng 3, Số 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chi nhánh : Số 9 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. HCM

**3. Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: Ông **NGUYỄN VĂN TRỊNH**  
Giám đốc Công ty

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, kiêm

Số điện thoại : 0333853154;

Fax : 0333853120;

Email : [vangdanhcoal@vnn.vn](mailto:vangdanhcoal@vnn.vn)

Website : <http://www.vangdanhcoal.com.vn>

# CÔNG TY CP THAN VÀNG DANH - TKV

(Giấy chứng nhận ĐKKD số: 5700101877 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh  
cấp lần đầu ngày 01/07/2008 sửa đổi lần thứ hai ngày 09/07/2010)

## **NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV  
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông.  
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.  
Tổng số lượng niêm yết : 15.280.790 cổ phần.  
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 152.807.900.000 Việt Nam đồng.

### **❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

#### **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN - AASC**

Trụ sở : số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.38241190 Fax: 04.38253973

Website : <http://www.aasc.com.vn>

### **❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Trụ sở: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 944 5888 Fax: (84-4) 3 944 5889

Chi nhánh: Số 9, Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Q1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3915 2930 Fax: (08) 3915 2931

Website: <http://www.vise.com.vn>



## MỤC LỤC

1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp .....	6
3. Các rủi ro đặc thù.....	6
4. Các rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	7
5. Các rủi ro khác .....	7
<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>7</b>
1. Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần than Vàng Danh – TKV (TVD) .....	7
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam.....	7
<b>CÁC TỪ VIẾT TẮT .....</b>	<b>8</b>
<b>II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>8</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
1.1 Giới thiệu về công ty.....	8
1.2 Lịch sử hình thành và phát triển.....	10
1.3 Những thành tích đạt được.....	10
1.4 Quá trình tăng vốn .....	12
2. Cơ cấu tổ chức công ty .....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty .....	16
3.1 Đại hội đồng Cổ đông.....	16
3.2 Hội đồng Quản trị.....	16
3.3 Ban Giám đốc.....	17
3.4 Ban Kiểm soát .....	17
3.5 Kế toán trưởng.....	17
4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV tính đến 31/07/2010 .....	18
4.1 Danh sách cổ đông sáng lập (theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 09/07/2010).....	18
4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/10/2010 .....	19
5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của TVD, những Công ty mà TVD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TVD.....	19
5.1 Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với TVD ..	19
5.2 Danh sách công ty con, những công ty do TVD nắm quyền kiểm soát, chi phối.	21



<b>6. Hoạt động kinh doanh.....</b>	<b>21</b>
6.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm.....	21
6.2 Nguyên vật liệu.....	23
6.3 Chi phí sản xuất.....	24
6.4 Trình độ công nghệ.....	26
6.6 Hoạt động Marketing.....	27
6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký.....	28
6.8 Các hợp đồng ký kết với TKV từ 2008 đến 2010.....	28
<b>7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất.....</b>	<b>28</b>
7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh.....	28
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo.....	30
<b>8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....</b>	<b>30</b>
<b>9. Chính sách đối với người lao động.....</b>	<b>33</b>
9.1 Tình hình lao động hiện nay.....	33
9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	33
<b>10. Chính sách cổ tức.....</b>	<b>33</b>
<b>11. Tình hình hoạt động tài chính.....</b>	<b>34</b>
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	34
<b>12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán.....</b>	<b>41</b>
12.1 Danh sách về HĐQT.....	41
12.2 Danh sách về Ban Kiểm soát.....	48
12.3 Ban Giám đốc.....	52
12.4 Kế toán trưởng.....	57
<b>13. Tài sản.....</b>	<b>58</b>
13.1 Bảng kê tài sản cố định từ thời điểm 31/12/2009 và 30/09/2010.....	58
13.2 Tình hình Tài sản cố định vô hình thời điểm 31/12/2009 và 30/09/2010.....	59
13.3 Tình hình đất đai đang sử dụng.....	61
<b>14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty đến năm 2011</b>	<b>61</b>
14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 - 2011.....	61
14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch nói trên.....	62
<b>15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....</b>	<b>64</b>



16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	64
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng.....	65
<b>III. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>	<b>65</b>
1. Loại chứng khoán .....	65
2. Mệnh giá .....	65
3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....	65
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	65
• Cổ đông sáng lập.....	65
• Cổ đông chủ chốt của Công ty.....	66
5. Phương pháp tính giá .....	68
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	68
7. Các loại thuế có liên quan .....	69
<b>IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>69</b>
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	69
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	69
<b>V. PHỤ LỤC.....</b>	<b>69</b>



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

#### 1. Rủi ro về kinh tế

Những năm vừa qua, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định với mức tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002-2007 là từ 7,7 – 8,48%/năm. Năm 2008 và năm 2009 mặc dù phải đương đầu với những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính lan rộng thành cuộc khủng hoảng kinh tế trên toàn thế giới, tuy nhiên năm 2008 mức tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt 6,18%, năm 2009 đạt 5,52%. Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới suy thoái, nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công lớn. Sang năm 2010, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên khoảng 6,5%, chỉ số giá tiêu dùng không vượt quá 7. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2010 tổng sản phẩm trong nước tăng 6,16% so với cùng kỳ năm trước và tăng đều ở cả 3 lĩnh vực, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm chưa đạt được mục tiêu 6,5% đã đề ra cho cả năm, nhưng đây coi là tốc độ tăng trưởng khá trong điều kiện sản xuất, kinh doanh trong nước còn gặp nhiều khó khăn như hiện nay.

Theo Tổng cục Thống kê CPI cả năm 2009 tăng 6,88%, tình hình tăng giá các mặt hàng được duy trì ổn định, sang năm 2010 Chính phủ đề ra kế hoạch cả năm CPI tăng dưới hai con số. Cùng với những nỗ lực của các bộ ban ngành nhằm thực hiện chính sách kiềm chế tăng giá, điều tiết ổn định nền kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2010 tăng 8,69% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,78% so với tháng 12 năm 2009. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 8,75% so với bình quân 6 tháng đầu năm 2009.

Năm 2009 là năm được đánh giá là thành công của Chính phủ trong chỉ đạo phòng ngừa tái lạm phát cao trở lại khi giữ được mức lạm phát không cao, theo đó chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân mỗi tháng trong quý I và quý II đều ở mức 0,44%. Sang năm 2010, tuy chỉ số giá tiêu dùng quý I có biểu hiện tăng cao trở lại với mức tăng bình quân tháng là 1,35%, nhưng sang quý II mức tăng bình quân tháng đã giảm xuống còn 0,21%, bằng 15,6% mức tăng bình quân tháng trong quý I/2010 và bằng một nửa mức tăng bình quân tháng trong quý II/2009. Điều này cho thấy các chính sách bình ổn giá đã bước đầu phát huy tác dụng. Tuy nhiên, giá trên thị trường thế giới còn có những biến động khó lường, đặc biệt là giá các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất do kinh tế thế giới trên đà phục hồi, nhiều nền kinh tế lớn đang kỳ vọng đạt mức tăng trưởng cao. Điều này chắc chắn sẽ tác động mạnh đến thị trường giá cả và sản xuất trong nước trong thời gian tới.

Đối với Việt Nam, ngành than là một trong những ngành kinh tế trọng điểm, đóng vai trò cung cấp nguyên vật liệu cho các ngành khác như điện, phân bón, xi măng... Do vậy, sự tăng trưởng của các ngành này có mối liên quan mật thiết đến sự tăng trưởng của ngành than nói chung và Công ty cổ phần Than Vàng Danh – TKV nói riêng. Sự tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chính là nhân tố thuận lợi có tác động tích cực đến sự phát triển của ngành than. Khi thu



nhập của người dân tăng lên, nhu cầu đối với các sản phẩm của các ngành tạo cầu cho ngành than tăng trưởng nhanh chóng nên nhu cầu than và các sản phẩm công nghiệp than tăng lên tương ứng và ngược lại.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đủ điều kiện là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật, quy định về công ty cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành... Trong những năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

## **3. Các rủi ro đặc thù**

### *- Rủi ro khai thác:*

Là một trong những Công ty khai thác hầm lò, cũng như những Công ty hầm lò khác trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ những biến động về địa chất, thiên nhiên, quy hoạch khai thác vùng....

Mặt khác, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là có hạn, nên Công ty phải khai thác ngày càng xuống sâu và xa hơn, làm cung độ vận chuyển than tăng, hệ số bóc đất tăng. Là một doanh nghiệp khai thác, kinh doanh ngành than, Công ty đã lường trước được tất cả những khó khăn này. Vì vậy, song song với việc khai thác tối đa các mỏ than hiện có, Công ty cũng không ngừng tìm kiếm các mỏ than mới.

### *- Rủi ro do chi phí sản xuất tăng:*

Chi phí phục vụ khai thác than trong thời gian qua cũng tăng đáng kể như: giá xăng dầu, giá điện, gỗ, thép chống,...tăng đã đẩy chi phí sản xuất than tăng theo. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn nghiên cứu, tìm kiếm đổi mới công nghệ khai thác, quản trị chi phí chặt chẽ nên mặc dù thời gian qua giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, song hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt hiệu quả.

### *- Rủi ro về an toàn lao động:*

Do đặc thù của Công ty là khai thác hầm lò nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm hàng đầu với khẩu hiệu hành động là “ An toàn là thứ nhất – Sản xuất là thứ hai”. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn... nên rủi ro này được giảm thiểu tối đa.



- *Rủi ro về chính sách, chế độ của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đối với ngành than:*

Với chính sách ưu tiên tiêu thụ than trong nước của Chính phủ, giá bán than nội địa (tuy đang có chủ trương tăng 44%) vẫn thấp hơn nhiều so với giá bán xuất khẩu. Theo dự báo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, trong khoảng từ 5 đến 10 năm nữa, nhu cầu nội địa về than sẽ tăng nhanh, cùng với chiến lược an ninh năng lượng quốc gia, chắc chắn sản lượng xuất khẩu than sẽ giảm. Sự chênh lệch về giá bán than nội địa - xuất khẩu, khi đó nếu không được Nhà nước và Vinacomin quản lý và điều tiết hợp lý thì có thể tác động đến toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty khai thác than và sự ảnh hưởng này được dự báo theo chiều hướng tốt lên.

#### **4. Các rủi ro về biến động giá cổ phiếu**




Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cả yếu tố kinh tế lẫn yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố như: Sự thay đổi của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và thị trường chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường....

#### **5. Các rủi ro khác**

Do Công ty khai thác than hầm lò, nên ngoài những rủi ro trên, Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã và đang áp dụng những tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt, nên những rủi ro này rất ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

## **I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần than Vàng Danh – TKV (TVD)**

- |  |                                      |
|--|--------------------------------------|
|  Ông: <b>NGUYỄN VĂN TRỊNH</b> | Chức vụ: Chủ Tịch HĐQT kiêm Giám đốc |
|  Ông: <b>ĐINH QUANG LUNG</b>  | Chức vụ: Kế Toán Trưởng              |
|  Ông: <b>PHẠM XUÂN VINH</b>   | Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát        |

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam**

- |   |                        |
|---|------------------------|
|  Ông: <b>PHẠM LINH</b> | Chức vụ: Tổng Giám đốc |
|---|------------------------|





Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV cung cấp.

## CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Tổ chức niêm yết : Công ty cổ phần Than Vàng Danh – TKV
- Công ty : Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV
- TVD : Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV
- Tập đoàn : Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- Vinacomin : Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam
- VIS : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- VND : Việt Nam đồng
- BCTC : Báo cáo tài chính
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty Cổ phần
- SGD : Sở Giao dịch
- HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- ROE : Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
- ROA : Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản
- WTO : World Trade Organization- Tổ chức Thương mại Thế giới

Ngoài ra, các thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2007 và các văn bản pháp luật khác liên quan.

## II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1 Giới thiệu về công ty

- Tên giao dịch tiếng việt : CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - TKV
- Tên giao dịch tiếng Anh : VANG DANH COAL JOINT STOCK COMPANY.
- Tên Công ty viết tắt : **TVD**



- Logo công ty :
- Vốn điều lệ : **152.807.900.000 đồng** (một trăm năm hai tỷ, tám trăm linh bảy triệu, chín trăm nghìn đồng VN).
- Trụ sở chính : 185, Đường Nguyễn Văn Cừ, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh.  
Điện thoại : 0333.853.108 Fax : 0333.853.120
- Email : [vangdanhcoal@vnn.vn](mailto:vangdanhcoal@vnn.vn)
- Website : <http://www.vangdanhcoal.com.vn>
- Ngành nghề kinh doanh:
  - ✓ Khai thác, chế biến, kinh doanh than và các khoáng sản khác;
  - ✓ Bốc xúc, vận chuyển than và đất đá;
  - ✓ Chế tạo, sửa chữa, phục hồi thiết bị mỏ, phương tiện vận tải và các sản phẩm cơ khí khác;
  - ✓ Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, giao thông, dân dụng, đường dây và trạm;
  - ✓ Đầu tư, kinh doanh hạ tầng và bất động sản;
  - ✓ Vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy;
  - ✓ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng;
  - ✓ Quản lý, khai thác cảng và bến thủy;
  - ✓ Kinh doanh, dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, khách sạn;
  - ✓ Dịch vụ cung ứng lao động;
  - ✓ Kinh doanh xăng, dầu;
  - ✓ Sản xuất nước tinh khiết;
  - ✓ Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, vật tư, phụ tùng, hàng hoá;
  - ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện bốc xúc, vận tải;
  - ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ;
  - ✓ Trồng rừng và chăm sóc rừng khác;
  - ✓ Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.



## 1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

- Tiền thân CTCP Than Vàng Danh -TKV là Mỏ than Vàng Danh được thành lập theo Quyết định số: 262/BCNNg-KB2 ngày 06/06/1964 của Bộ Công nghiệp nặng.
- Ngày 17/09/1996 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) có Quyết định số 2604/QĐ/TCCB thành lập Mỏ than Vàng Danh đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Tổng công ty Than Việt Nam – nay là Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Ngày 01/10/2001, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 405/QĐ/HĐQT của Chủ tịch HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh.
- Ngày 08/11/2006, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ký Quyết định số 2458 QĐ/HĐQT về việc đổi tên từ Công ty Than Vàng Danh thành Công ty Than Vàng Danh - TKV.
- Công ty Than Vàng Danh – TKV nằm trong danh sách các Công ty than được cổ phần hóa theo Quyết định số 1119/QĐ-BCN ngày 03/04/2007 của Bộ Công nghiệp. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/07/2007. Tổ chức sản xuất của Công ty Than Vàng Danh được khép kín từ khâu khai thác đến chế biến, tiêu thụ than từ Vàng Danh ra Cảng Điện Công. Kể từ ngày 16/09/2007, bộ phận vận tải chính của Công ty là đường sắt 1000 ly và kho, cảng được điều động về Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam theo quyết định của Vinacomin, Công ty chỉ còn chức năng chính là sản xuất than. Than sản xuất ra được bán duy nhất cho Vinacomin thông qua Công ty Kho vận đá bạc – TKV theo giá bán nội bộ do Vinacomin quy định. Việc bán than đến hộ tiêu dùng trong nước hoặc xuất khẩu do Vinacomin thực hiện.
- Theo Quyết định 714/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 03 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Vàng Danh, Công ty Than Vàng Danh đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và tổ chức đấu giá bán cổ phần ra công chúng vào ngày 05/03/2008 tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội). Công ty Than Vàng Danh – TKV chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 01/07/2008 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – TKV”.

## 1.3 Những thành tích đạt được

Với những thành tích đã đạt được, Công ty đã được Đảng và Nhà nước, bộ, ban ngành trao tặng các danh hiệu cao quý:

- Huân chương Độc lập Hạng ba (QĐ số 276/QĐ-CTN ngày 14/8/1999).
- Huân chương lao động hạng ba năm 1976 và 1978; huân chương lao động hạng hai 1993.
- Huân chương độc lập hạng nhì của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam (QĐ số 762/QĐ- CTN ngày 28/05/2009).



- Danh hiệu: Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới (QĐ số 924/QĐ-CNT ngày 15/12/2003).
- Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam vì đã có thành tích trong phong trào văn hoá, thể thao năm 2005 (QĐ số 322/QĐ-TVT ngày 23/02/2006).
- Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam vì đã có thành tích trong phong trào văn hoá, thể thao 3 năm 2004 – 2006 (QĐ số 1001/QĐ-TVT ngày 07/5/2007).
- Bằng khen của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam vì đã có thành tích trong phong trào văn hoá, thể thao năm 2007 (QĐ số 130/QĐ-TVT ngày 16/01/2008).
- Bằng khen của Bộ Công Thương vì đã có thành tích xuất sắc thực hiện vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác năm 2007 (Quyết định số 1246/QĐ-BCT ngày 24/02/2008).
- Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh năm 2006 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi (QĐ số 1274 ngày 19/4/2007).
- Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào đền ơn đáp nghĩa (QĐ số 2155/KT-UB ngày 21/6/2007).
- Bằng khen của UBMT Tổ quốc tỉnh “Ngày vì người nghèo” (QĐ số 12 ngày 19/5/2005).
- Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh “V/v xây dựng đời sống văn hoá cơ sở” (QĐ số 105 ngày 07/9/2005).
- Bằng khen của Hội chữ thập đỏ Việt Nam về Công tác nhân đạo (QĐ số 163 ngày 27/9/2005).
- Bằng khen của Bộ tài chính năm 2005 về chấp hành tốt chính sách thuế.
- Bằng khen của Bảo hiểm xã hội Việt Nam khen thưởng đơn vị thực hiện tốt chính sách BHXH (QĐ số 289/2006).
- Bằng khen của Bộ giáo dục và đào tạo khen thưởng đơn vị “Có thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục- đào tạo” (QĐ số 2541 ngày 21/5/2007).
- Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh về “ Công tác nộp thuế tiêu biểu năm 2007” (Quyết định số 1000 ngày 04/4/2008).
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2005 – 2007 vì có nhiều thành tích góp phần vào xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ Tổ quốc (QĐ số 78/QĐ-Ttg ngày 15/01/2009).
- Cá nhân tập thể và cá nhân trực thuộc Công ty đã được tặng thưởng nhiều Huân chương lao động, cờ luân lưu của Chính Phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ và Cờ thi đua, Bằng khen của các Bộ Ngành...
- Đạt giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán uy tín năm 2009” do Hiệp hội kinh doanh chứng khoán (VASB) và trung tâm thông tin tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức.



## 1.4 Quá trình tăng vốn

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV số 2872/NQ-TVD-ĐHCD ngày 12 tháng 04 năm 2010 có quyết định về việc chi trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu và chi trả cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Theo đó thông tin về đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2009 và cổ phiếu thưởng như sau:

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức:

- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 16% vốn điều lệ, tương đương với cổ đông sở hữu 100 cổ phần hiện hữu được chia thêm 16 cổ phần mới.
- Nguồn chi trả cổ tức là lợi nhuận sau thuế sau khi đã trích lập các quỹ với giá trị 19.734.400.000 đồng

Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu:

- Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,89% vốn điều lệ tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phần hiện hữu được chia thêm 7,89 cổ phần mới.
- Nguồn chi trả cổ phiếu thưởng là 9.733.500.000 đồng trong đó:

Từ nguồn Quỹ Đầu tư phát triển<sup>(1)</sup> : **5.877.499.471 đồng**

Từ nguồn dự phòng tăng vốn điều lệ : **3.856.000.529 đồng**

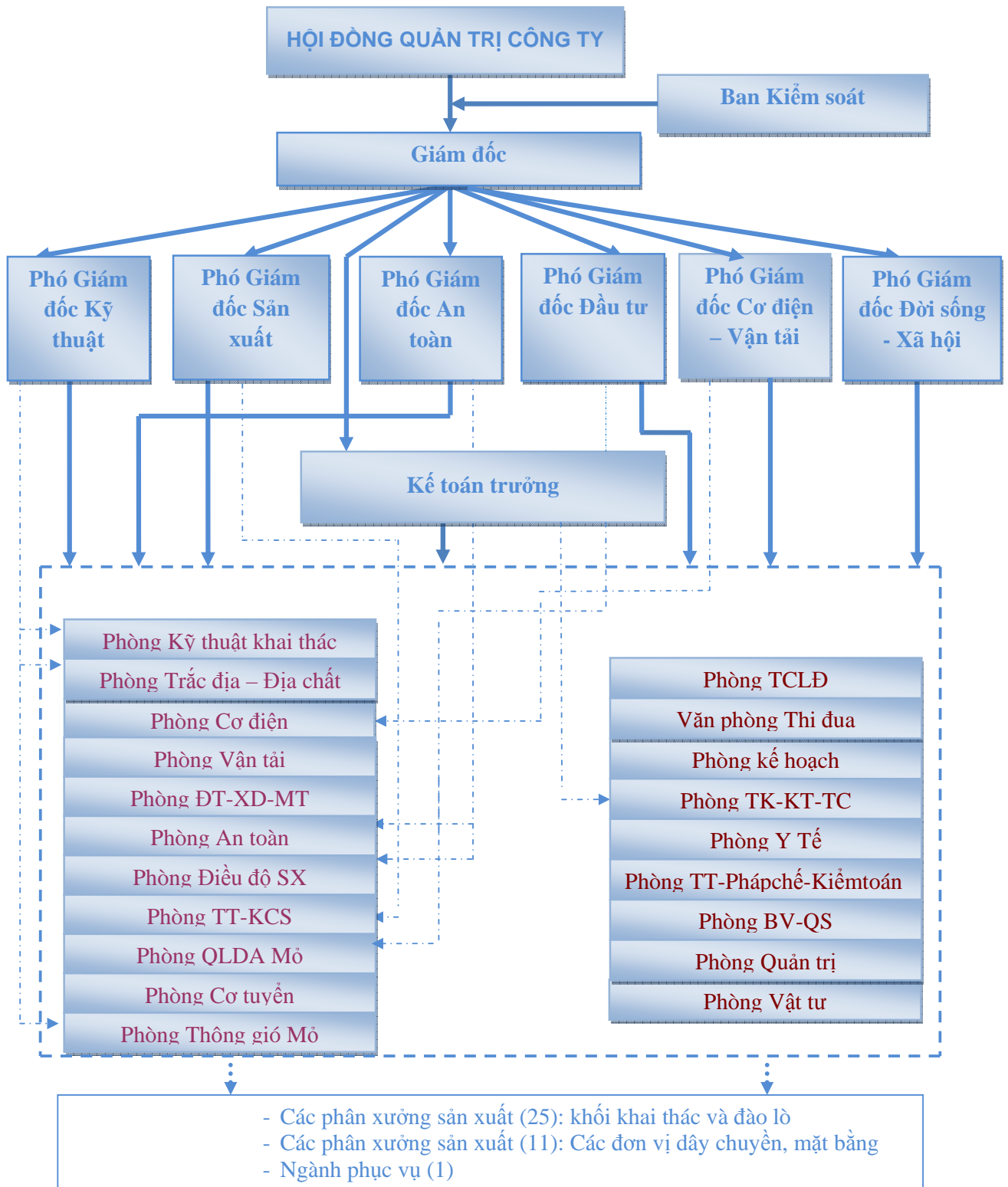
(1): Đây là khoản Quỹ đầu tư phát triển của năm 2008, đã được hạch toán vào Nguồn vốn khác của chủ sở hữu tại khoản mục vốn hình thành từ quỹ đầu tư phát triển

Hiện tại Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV đã là công ty đại chúng, do vậy việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và cổ phiếu thưởng phải tiến hành theo như các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan. Ngày 08/06/2010 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV đã tiến hành nộp hồ sơ phát hành cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sau đó tiến hành giải trình đầy đủ các điểm theo như yêu cầu của UBCKNN. Ngày 29/06/2010, sau khi nhận được chấp thuận của UBCK NN về đợt phát hành, Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV đã tiến hành thông báo cho từng cổ đông và đăng thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Ngày 15/07/2010 Công ty tiến hành phân bổ cổ phiếu trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.

Như vậy, sau khi tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng, vốn điều lệ mới của Công ty là **152.807.900.000 đồng**.

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

Cơ cấu tổ chức Công ty theo sơ đồ:



- Chi đạo trực tuyến
- Chi đạo trực tiếp
- Chi đạo gián tiếp



**Các phòng ban chức năng:**

Công ty có 20 phòng – ban chức năng với nhiệm vụ cụ thể của từng phòng – ban như sau:

1. **Văn phòng – Thi đua:** tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực văn phòng và thi đua, tuyên truyền.
2. **Phòng Tổ chức- Lao động:** tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực tổ chức sản xuất, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, công tác cán bộ, lao động tiền lương và chính sách người lao động;
3. **Phòng Kỹ thuật khai thác:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác than.
4. **Phòng cơ điện:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác cơ điện và vận tải hầm lò.
5. **Phòng Trắc địa - Địa chất:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác trắc địa, địa chất, ranh giới Mỏ.
6. **Phòng an toàn:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong chỉ đạo, giám sát công tác an toàn bảo hộ lao động.
7. **Phòng Cơ điện tuyển than:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác công nghệ tuyển than.
8. **Phòng Vận tải:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác bốc xúc, vận tải bằng ô tô, xe máy.
9. **Phòng Đầu tư – Xây dựng – Môi trường:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng công trình Mỏ, môi trường sản xuất.
10. **Phòng quản lý dự án:** Tham mưu giúp Giám đốc trong lĩnh vực quản lý các dự án đầu tư xây dựng cơ bản các công trình hầm lò;
11. **Phòng Thống kê - Kế toán – Tài chính:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác thống kê - kế toán – tài chính, vốn và thu chi các loại.
12. **Phòng Kế hoạch:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác kế hoạch; quản lý chi phí; hợp đồng kinh tế.
13. **Phòng Vật tư:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý công tác cung ứng mua, bán vật tư; quản lý hệ thống kho vật tư nhiên liệu.
14. **Phòng thanh tra – Pháp chế và kiểm toán nội bộ:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực thanh tra, pháp chế và kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm soát các thủ tục, chứng từ kế toán, tài chính.



15. **Phòng Thông gió Mỏ:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý kiểm soát công tác thông gió, thoát nước và khí Mỏ.
16. **Phòng Bảo vệ – Quân sự:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực bảo vệ trật tự, trị an khu vực sản xuất và sinh hoạt, công tác quân sự địa phương. của Công ty.
17. **Phòng Quản trị:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý vệ sinh các khu tập thể và khu làm việc; phục vụ tắm, giặt, sấy quần áo cho CBCNV.
18. **Phòng Tiêu thụ- KCS:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực quản lý giao nhận sản phẩm than với khách hàng, chất lượng sản phẩm tiêu thụ.
19. **Phòng Điều độ sản xuất:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong lĩnh vực điều hành sản xuất, phối hợp các hoạt động của các đơn vị.
20. **Phòng y tế:** Tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, khám và giải quyết chế độ ốm đau, thai sản cho CBCNV.

 **Các đơn vị sản xuất:**

Các đơn vị sản xuất gồm: 25 đơn vị thuộc khối khai thác và đào lò (các phân xưởng khai thác than, đào lò), 11 đơn vị dây chuyền, mặt bằng và 1 đơn vị làm công tác phục vụ. Cụ thể:

1. **Các phân xưởng khai thác than:** Công ty có 16 phân xưởng khai thác than - Từ phân xưởng Khai thác 1(KT1) đến phân xưởng khai thác 13 (KT13), K4,K6, K8: Quản lý nguồn lực được giao và trực tiếp khai thác than.
2. **Các phân xưởng đào lò (có 9 đơn vị):** Từ phân xưởng đào lò số 1(K1) đến phân xưởng đào lò số 11(K11) và phân xưởng đào lò giếng D1( trừ K4,K6, K8): Quản lý nguồn lực được giao và trực tiếp đào lò xây dựng cơ bản và đào lò chuẩn bị sản xuất.
3. **Phân xưởng vận tải lò:** Quản lý hệ thống đường lò cơ bản, đường sắt 900mm; vận tải than; đất đá cho các đơn vị sản xuất hầm lò toàn Công ty.
4. **Phân xưởng Vận tải Giếng-1(VTG-1):** Quản lý hệ thống lò giếng; vận tải than và đất đá cho các phân xưởng sản xuất khu giếng Vàng Danh.
5. **Phân xưởng Vận tải Giếng-2(VTG-2):** Quản lý hệ thống lò giếng; vận tải than và đất đá cho các phân xưởng sản xuất khu giếng Cánh Gà.
6. **Phân xưởng thông gió Mỏ:** Quản lý toàn bộ hệ thống thông gió Mỏ; Kiểm soát khí Mỏ.
7. **Phân xưởng khai thác than lộ thiên:** San gạt, bốc xúc, Vận chuyển đất đá, than lộ via
8. **Phân xưởng cơ điện Lò:** Chế tạo sản phẩm cơ khí, lắp đặt các thiết bị hầm lò.
9. **Nhà máy Tuyển than:** Sàng tuyển, phân loại sản phẩm than để tiêu thụ.
10. **Phân xưởng Ôtô:** Bốc xúc, vận chuyển than; vận chuyển công nhân.
11. **Phân xưởng Điện:** Quản lý hệ thống cung cấp điện toàn công ty.

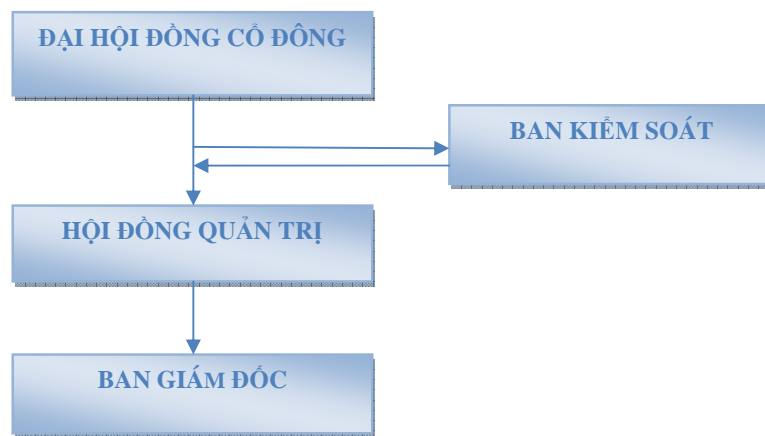




12. **Phân xưởng Gia công vật liệu xây dựng:** Xây dựng các công trình thuộc Mỏ; sản xuất vật liệu phục vụ sản xuất của Công ty.
13. **Phân xưởng Chế biến than:** Chế biến các loại sản phẩm theo yêu cầu của công tác tiêu thụ than.
14. **Ngành phục vụ:** Phục vụ ăn ca và bồi dưỡng độc hại cho công nhân.

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Bộ máy quản lý của TVD được tổ chức một cách hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động của công ty ổn định và đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ các cổ đông.



#### 3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

#### 3.2 Hội đồng Quản trị

– Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ đại hội (theo Điều lệ Công ty quy định).

– Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.

1. Ông: **NGUYỄN VĂN TRỊNH** : Chủ tịch HĐQT
2. Ông: **KHUÁT MẠNH THẮNG** : Ủy viên HĐQT
3. Ông: **ĐINH QUANG MINH** : Ủy viên HĐQT
4. Ông: **NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG** : Ủy viên HĐQT
5. Ông: **ĐẶNG VĂN KHAM** : Ủy viên HĐQT



### 3.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua (quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong điều lệ Công ty).

**Ban Giám đốc Công ty:** Đứng đầu là Giám đốc Công ty, thực hiện quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động của Công ty. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc (06), cụ thể:

1. Ông: **NGUYỄN VĂN TRỊNH** - Giám đốc
2. Ông: **KHUẤT MẠNH THẮNG** - Phó Giám đốc
3. Ông: **PHÙNG ĐÌNH HOÀ** - Phó Giám đốc
4. Ông: **NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG** - Phó Giám đốc
5. Ông: **NGUYỄN QUANG TRUNG** - Phó Giám đốc
6. Ông: **TRỊNH XUÂN THOẢ** - Phó Giám đốc
7. Ông: **PHAN XUÂN THỦY** - Phó Giám đốc

Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty, bao gồm các lĩnh vực: điều hành sản xuất; cơ điện, vận tải; an toàn lao động; đầu tư xây dựng cơ bản; đảm bảo đời sống của CBCNV và các công tác xã hội của Công ty.

### 3.4 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm (2008 - 2013), cụ thể:

1. Ông: **PHẠM XUÂN VINH** : Trưởng ban
2. Ông: **VŨ BÌNH TỰ** : Thành viên
3. Bà: **NGUYỄN THỊ LUYẾN** : Thành viên

### 3.5 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

Ông: **ĐINH QUANG LUNG** : Kế Toán Trưởng



**4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV tính đến 31/07/2010**

**4.1 Danh sách cổ đông sáng lập (theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 2 ngày 09/07/2010)**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ (%)
			(cổ phần)	
1	<b>Tập Đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam</b> Đại diện phần vốn Nhà Nước: <b>NGUYỄN VĂN TRỊNH</b>	số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	7.814.613	51,14
2	<b>NGUYỄN VĂN TRỊNH</b>	Tổ 7, Khu 2, Phường Quang Trung, TX Uông Bí, Quảng Ninh	13.758	0,09
3	<b>ĐẶNG VĂN KHAM</b>	Tổ 28, Khu 8, Phường Vàng Danh, TX Uông Bí, Quảng Ninh	3.797	0,025
4	<b>NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG</b>	Tổ 2, Khu 3, Phường Thanh Sơn, TX Uông Bí, Quảng Ninh	13.873	0,091
5	<b>KHUẤT MẠNH THẮNG</b>	Tổ 7, Khu 1, phường Yên Thanh, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	855	0,01
6	<b>ĐINH QUANG MINH</b>	Tổ 126 Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1.426	0,01
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.848.322</b>	<b>51,366</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Điều lệ Công ty, trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty. Cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác. Trường hợp chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là cổ đông sáng lập cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.



Như vậy tính từ thời điểm Công ty được cấp giấy đăng ký kinh doanh lần đầu, ngày 01/07/2008 thì đến ngày 01/07/2011 cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng.

**4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 15/10/2010**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
			(cổ phần)	
1	Tập Đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam (TKV) Đại diện: Nguyễn Văn Trịnh	số 226 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội	7.814.613	<b>51,14</b>
2	Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	72F, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.660.434	<b>10,87</b>
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>9.475.047</b>	<b>62,01</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

**Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 15/10/2010**

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>15.268.401</b>	<b>99,919</b>
1	Tổ chức	10.108.964	66,15
2	Cá nhân	5.159.437	33,769
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>12.389</b>	<b>0,081</b>
1	Tổ chức	0	0
2	Cá nhân	12.389	0,081
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.280.790</b>	<b>100,00</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

**5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của TVD, những Công ty mà TVD đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TVD**

**5.1 Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối đối với TVD**

Hiện nay, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam nắm cổ phần chi phối của Công ty với số cổ phần là: 7.814.613 cổ phần tương đương 51,14% vốn điều lệ. Thông tin chi tiết về TKV như sau:

Tên doanh nghiệp: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Tên giao dịch: VIETNAM NATIONAL COAL, MINERAL INDUSTRIES GROUP



Tên viết tắt: VINACOMIN  
Địa chỉ trụ sở chính: Số 226 Lê Duẩn - Phường Trung Phụng - Quận Đống Đa - Hà Nội  
Điện thoại: (04) 3 8510 780 Fax: (04) 3 8510 724  
Email: vanphong@vinacoal.com.vn  
Website: www.vinacoal.com.vn , www.vinacomin.com.vn

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (trước kia là Tổng Công ty Than Việt Nam) là một trong số những Tổng Công ty 90 - 91 hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ - Con, được thành lập theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số: 653/TTg ngày 10/10/1994 của Thủ tướng Chính phủ và số 345/2005/QĐ-TTg ngày 26/12/2005 của Thủ tướng chính phủ về việc Thành lập Tập Đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngành nghề Kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:

- Công nghiệp than: khảo sát, thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác, sàng tuyển, chế biến, vận tải, mua, bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm than, khí mỏ, nước ngầm và khoáng sản khác đi cùng với than;
- Công nghiệp khoáng sản (bao gồm công nghiệp bôxít - alumin - nhôm và các khoáng sản khác): khảo sát, thăm dò, đầu tư xây dựng, khai thác, làm giàu quặng, gia công, chế tác, vận tải, mua, bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm alumin, nhôm, đồng, chì, kẽm, crom, thiếc, đá quý, vàng, các kim loại đen, kim loại màu khác và khoáng sản khác;
- Công nghiệp điện: đầu tư xây dựng, khai thác vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; bán điện cho các hộ kinh doanh và tiêu dùng theo quy định của pháp luật;
- Cơ khí: đúc, cán thép, sửa chữa, lắp ráp, chế tạo các sản phẩm cơ khí, xe vận tải, xe chuyên dùng, phương tiện vận tải đường sông, đường biển, thiết bị mỏ, thiết bị điện, thiết bị chịu áp lực và các thiết bị công nghiệp khác;
- Vật liệu nổ công nghiệp: đầu tư xây dựng, sản xuất, mua bán, dự trữ, xuất nhập khẩu các loại vật liệu nổ công nghiệp, cung ứng dịch vụ khoan nổ mìn, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Quản lý, khai thác cảng biển, bến thủy nội địa và vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy chuyên dùng, xếp dỡ, chuyển tải hàng hóa;
- Vật liệu xây dựng: khai thác đá, sét, cát, sỏi, các loại phụ gia, sản xuất xi măng, gạch ngói và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Xây lắp đường dây và trạm điện, xây dựng các công trình công nghiệp, luyện kim, nông nghiệp, giao thông và dân dụng;
- Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản;
- Cấp nước, xử lý chất thải, trồng rừng và sản xuất, dịch vụ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;



- Sản xuất kinh doanh dầu mỡ bôi trơn, nitơ, ôxy, đất đèn, hàng tiêu dùng, cung ứng vật tư, thiết bị;
- Các dịch vụ: đo đạc, bản đồ, thăm dò địa chất; tư vấn đầu tư, thiết kế, khoa học công nghệ, tin học, kiểm định, giám định hàng hóa, in ấn, xuất bản, đào tạo, y tế, điều trị bệnh nghề nghiệp và phục hồi chức năng; thương mại, khách sạn, du lịch, hàng hải, xuất khẩu lao động, bảo hiểm, tài chính;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

## 5.2 Danh sách công ty con, những công ty do TVD nắm quyền kiểm soát, chi phối

- Không có.

## 6. Hoạt động kinh doanh

### 6.1 Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

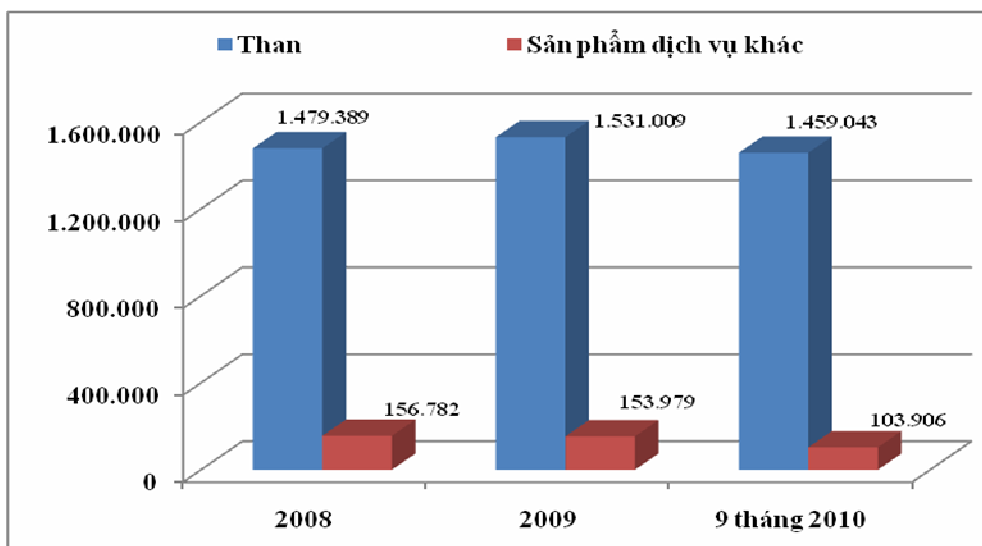
#### Doanh thu sản phẩm dịch vụ của Công ty qua các năm 2008, 2009 và 9 tháng 2010

STT	Chi tiết doanh thu	2008		2009		9 tháng đầu năm 2010	
		Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
1	<b>Than</b>	<b>1.479.389</b>	<b>90,42%</b>	<b>1.531.009</b>	<b>90,86%</b>	<b>1.459.043</b>	<b>93,35%</b>
	Than cục	434.165		428.799		400.203	
	Than cám	1.023.031		1.090.958		1.051.911	
	Than bùn	22.193		11.252		6.929	
2	<b>Sản phẩm dịch vụ khác</b>	<b>156.782</b>	<b>9,58%</b>	<b>153.979</b>	<b>9,14%</b>	<b>103.906</b>	<b>6,65%</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.636.171</b>	<b>100%</b>	<b>1.684.988</b>	<b>100%</b>	<b>1.562.949</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

Doanh thu từ Than chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty, chiếm trên 90% qua các năm, doanh thu từ các hoạt động khác chiếm dưới 10%. Doanh thu từ khai thác than năm 2009 đạt 90,86% trên tổng doanh thu thuần, đến hết 9 tháng đầu năm 2010 tỷ trọng này đạt 93,35%. Tỷ trọng doanh thu từ hoạt động chính của Công ty đạt tỷ trọng cao là hoàn toàn phù hợp với đặc trưng của các doanh nghiệp trong ngành khai thác than, ngoài ra các sản phẩm dịch vụ khác chiếm tỷ trọng không lớn.

**Biểu đồ cơ cấu doanh thu thuần Công ty qua các năm 2008, 2009 và 9 tháng 2010**



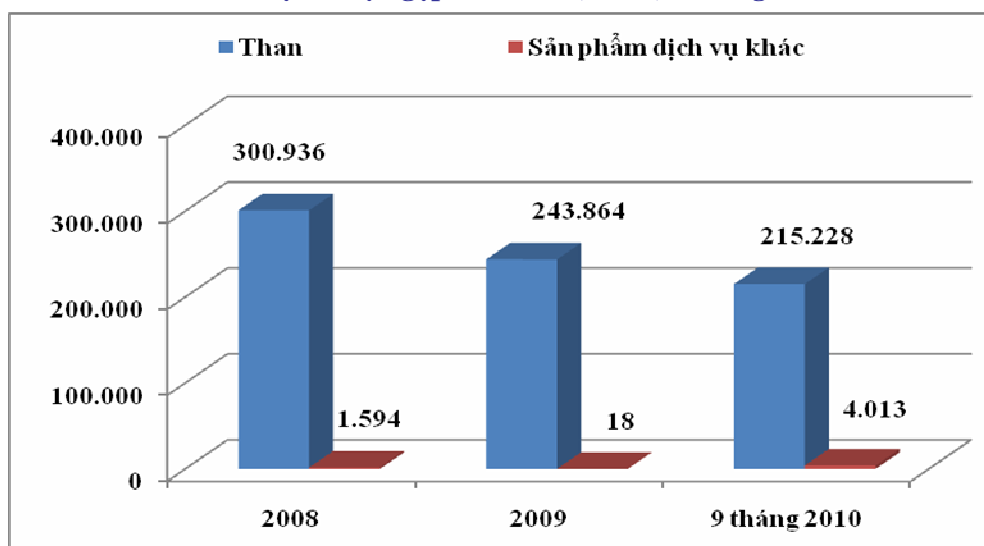
**Cơ cấu lợi nhuận gộp Công ty qua các năm 2008, 2009 và 9 tháng 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chi tiết lợi nhuận gộp	2008		2009		9 tháng đầu năm 2010	
		Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng	Giá trị	tỷ trọng
1	Than	300.936	99,47%	243.864	99,99%	215.228	98,17%
2	Kinh doanh khác	1.594	0,53%	18	0,01%	4.013	1,83%
<b>Tổng cộng</b>		<b>302.530</b>	<b>100%</b>	<b>243.882</b>	<b>100%</b>	<b>219.241</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

**Biểu đồ lợi nhuận gộp năm 2008, 2009, 9 tháng/2010**





Trong cơ cấu lợi nhuận gộp của TVD, lợi nhuận từ sản xuất than chiếm tỷ trọng chủ yếu, trên 99%. Các sản phẩm dịch vụ bao gồm lợi nhuận từ hoạt động xây lắp, lợi nhuận từ khoáng sản, vật liệu xây dựng và các loại hình kinh doanh dịch vụ khác, các hoạt động này chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ hơn 1%.

## **6.2 Nguyên vật liệu**

### **🚧 Nguồn nguyên nhiên vật liệu**

Nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Nguyên vật liệu và phương tiện phục vụ cho hoạt động khai thác và chế biến than:

+ Nhóm nguyên vật liệu phục vụ trực tiếp khai thác than: Gỗ, sắt, thép làm khung chống hầm lò, dầu mỡ, và các nhóm vật liệu khác.

+ Nhiên liệu, điện năng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh: Công ty sử dụng điện năng từ hệ thống điện lưới Quốc gia làm nguồn động lực phục vụ chính, ngoài ra các nguồn nhiên liệu bổ xung bao gồm xăng, dầu, than ... và các nguồn nhiên liệu khác.

- Phương tiện phục vụ cho hoạt động bốc xúc, vận tải: máy móc dùng trong khai thác và vận chuyển than bao gồm hệ thống tàu điện, băng tải, ô tô, máy khoan, máy ép khí, máy cào, máy xúc, máy ủi, và các linh kiện thiết bị máy móc dùng trong thay thế và sửa chữa....

### **🚧 Sự ổn định của các nguồn cung cấp này**

Công ty luôn có kế hoạch ký hợp đồng với các nhà cung cấp đủ khả năng cung cấp nguyên vật liệu với khối lượng và chất lượng theo yêu cầu và giá cả cạnh tranh nhất để công ty có thể chủ động nguồn nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động kinh doanh trong mỗi năm và hạn chế được rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu trên thị trường.

### **🚧 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Trong vài năm gần đây, giá xăng dầu trên thế giới có nhiều biến động. Sự biến động này khiến hầu như tất cả các loại hàng hoá khác cũng biến động theo vì chi phí đầu vào tăng. Trong những năm này, giá điện cũng có sự điều chỉnh tăng lên, đặc biệt là giá điện dùng cho sản xuất kinh doanh tăng cao. Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh cả năm của Công ty không bị ảnh hưởng nhiều bởi các yếu tố chi phí đầu vào do: Công ty là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam, nên từ đầu năm Tập đoàn sẽ tính toán chi phí sản xuất than của Công ty, từ đó sẽ quy định giá mua than nội bộ để đảm bảo cân đối được chi phí sản xuất và có lợi nhuận.





### Về chi phí:

Chi phí đầu vào hợp lý như xăng, dầu, sắt thép, gỗ...được Tập đoàn bù giá nếu giá mua trên thị trường cao hơn giá dự kiến trong hợp đồng giao nhận thầu với Tập đoàn. Việc thanh toán bù giá được Tập đoàn than quy định thời hạn cụ thể và quyết toán theo từng năm đối với Công ty. Trường hợp chi phí đầu vào gia tăng do các chỉ tiêu kỹ thuật biến động khách quan thì Công ty sẽ cập nhật số liệu từ các bên liên quan, gửi lên Tập đoàn tiến hành ký kết các phụ lục hợp đồng để tính toán mức chi phí mới hợp lý.

### Giá bán

Hàng năm, Tập đoàn quyết toán với Công ty trên cơ sở sản phẩm giao cho Tập đoàn đã được nghiệm thu, giá bán nội bộ và thực hiện các chỉ tiêu công nghệ. Trường hợp Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu công nghệ ghi trong Hợp đồng thì giá bán nội bộ sẽ bị giảm trừ tương ứng.

Do đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại các thời điểm trong năm sẽ có mức biến động theo mức biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào trên thị trường, biến động các chỉ tiêu công nghệ, nhưng đến cuối năm được điều chỉnh hợp lý theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng ký kết với Tập đoàn.

### **6.3 Chi phí sản xuất**

Than Việt Nam được khai thác với hai công nghệ tiêu biểu là lộ thiên và hầm lò. Trong đó, phương pháp khai thác hầm lò chiếm tỷ trọng trong khoảng (35% - 40%) với những nhược điểm là chi phí đầu tư cao, điều kiện sản xuất phức tạp phụ thuộc nhiều vào tự nhiên nên giá thành sản xuất rất cao so với than lộ thiên. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh -TKV với điều kiện sản xuất kém thuận lợi hơn - khai thác than chủ yếu là hầm lò trong vùng có địa hình phay phá, uốn nếp nhiều, công nghệ khai thác chủ yếu là thủ công bán cơ giới, năng suất lao động thấp hơn nữa giá cả vật tư, thiết bị cao phần lớn phải nhập khẩu nên chi phí sản xuất của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV cao hơn so với các công ty khác cùng ngành, đặc biệt là so với các công ty khai thác than lộ thiên.

**Bảng: chi phí sản xuất kinh doanh từ 2008, 2009 đến hết 9 tháng/2010**



Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008				2009		30/09/2010	
		01/01/2008 - 30/6/2008		01/7/2008 - 31/12/2008		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)
		Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)	Giá trị	Tỷ trọng /DTT (%)				
1	Giá vốn hàng bán	627.256	82,74	706.386	80,45	1.441.105	85,53	1.343.709	85,97
2	Chi phí bán hàng	1.533	0,20	1.277	0,15	2.996	0,18	2.319	0,15
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.788	9,07	83.470	9,51	128.823	7,65	115.101	7,36
4	Chi phí tài chính	31.150	4,11	46.683	5,32	57.891	3,44	56.314	3,60
<b>Tổng cộng</b>		<b>728.727</b>	<b>96,13</b>	<b>838.086</b>	<b>95,41</b>	<b>1.631.632</b>	<b>96,78</b>	<b>1.517.443</b>	<b>97,09</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 Than Vàng Danh)

**✚ Nhận xét:**

– Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn so với doanh thu thuần là do chi phí nhân công trực tiếp, chi phí mở lò, vận chuyển, sàng lọc cao, đây cũng là đặc điểm của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác than. Giá vốn hàng bán năm 2008 chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 81% so với doanh thu thuần. Tuy nhiên năm 2009, năm 2010 tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán tăng cao, lên đến hơn 85% trên doanh thu thuần và chiếm 88% so với tổng chi phí của Công ty. 9 tháng đầu năm 2010, chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng 85,59% so với doanh thu thuần, tỷ lệ này tương đối cao so với các năm trước do chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất trực tiếp tăng cao.

– Chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính trên doanh thu thuần chiếm khoảng 13 - 14% và duy trì tương đối ổn định qua các năm Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm từ 7% - 9%, chi phí tài chính chiếm từ 3%-6% trên tổng doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, theo số liệu tài chính tính đến hết Quý III/2010 chi phí quản lý Doanh nghiệp và chi phí tài chính của Công ty có tỷ trọng tương ứng khoảng 7,36% và 3,6% trên doanh thu thuần, so với cùng kỳ năm trước



tỷ lệ này là 7,89% và 3,35%. Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính của Công ty còn thay đổi do đặc thù ngành sản xuất chi phí phát sinh cao trong 2 quý cuối năm.

– Tổng hợp chi phí của Công ty hàng năm đều chiếm trên 95% so với doanh thu thuần, tỷ lệ chi phí trên doanh thu thuần tương đối cao là đặc thù của các Công ty khai thác than hầm lò như Than vàng Danh.. 9 tháng đầu năm 2010 tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu thuần là 97,09% cao hơn so với cả năm 2009 do chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí nhân công trực tiếp tăng cao. Để khắc phục chi phí tăng cao từ giờ đến cuối năm Công ty sẽ có những biện pháp quản lý chi phí hợp lý để đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đã đề ra

#### **6.4 Trình độ công nghệ**

– Hiện tại, công nghệ khai thác chủ yếu của Công ty vẫn là thủ công bán cơ giới, một phần đang ứng dụng công nghệ cơ giới.

– Trong những năm qua, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh -TKV không ngừng đầu tư đổi mới công nghệ khai thác, chế biến than. Việc đầu tư đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động, giảm lao động nặng nhọc, cải thiện điều kiện làm việc, an toàn cho người lao động được Công ty rất chú trọng.

– Từ năm 1998, Công ty Cổ phần than Vàng Danh - TKV là đơn vị trong ngành than đã đi đầu trong việc đưa cột thủy lực đơn, xà khớp vào chống trong lò chợ đem lại quả kinh tế cao. Cùng với việc tiếp tục nâng cao hiệu quả chống giữ lò bằng cột ma sát, Công ty còn nghiên cứu áp dụng một số đề tài công nghệ khai thác than vỉa dốc bằng dàn mềm, trải lưới thép nền lò chợ, đưa giá thủy lực di động vào khai thác than v.v... đảm bảo an toàn tốt hơn cho người thợ, giảm tỷ lệ tổn thất tài nguyên, công suất các lò chợ tăng cao.

– Hai công trình đào giếng nghiêng tại khu vực Vàng Danh và Cánh Gà đã khẳng định sự tiến bộ vượt bậc của đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật của Công ty trong tiếp thu, làm chủ công nghệ đào lò giếng.

– Tháng 9/2007, Công ty đã tổ chức lễ khánh thành công trình khai thác bằng tổ hợp dàn tự hành KTD -1 tại vỉa 7 dốc Tây Vàng Danh. Đây là công trình áp dụng thử nghiệm cơ giới hoá khai thác vỉa dày dốc bằng tổ hợp dàn chống KDT-1, sản lượng chu kỳ đạt 150 tấn, năng suất lao động tại gương 12,5 tấn/công, đến nay công nghệ này đã được hoàn thiện và áp dụng khai thác tại các vỉa dày, dốc đạt hiệu quả nâng cao năng suất lao động và thu hồi tài nguyên.

– Hiện nay Công ty đang ứng dụng công nghệ cơ giới hoá đồng bộ khai thác lò chợ bằng dàn VINAALTA (Đang trong giai đoạn thử nghiệm); công nghệ khai thác bằng giá khung ZH được nhân rộng và đạt hiệu quả tốt.



## 6.5 Tình hình kiểm tra chất lượng

- Hoạt động kiểm tra chất lượng các chủng loại than của TVD được phòng kiểm tra chất lượng (TT-KCS) thực hiện.
  - Công ty thực hiện kiểm tra lấy mẫu xác định chất lượng ngay từ các diện vỉa trong hầm lò cũng như lộ vỉa cho đến khi sản phẩm được vận chuyển ra ngoài mặt bằng kho bãi tập kết. Từng nguồn than trước khi đưa vào nhà máy tuyển cũng đều được lấy mẫu kiểm tra chất lượng để phân nguồn vào các tuyến tuyển để sàng tuyển chế biến ra các chủng loại than theo yêu cầu, kết hợp pha trộn tại các kho bãi, bảo đảm chất lượng than theo đúng qui định. Các công đoạn lấy mẫu, gia công, phân tích được thực hiện bằng các thiết bị, dụng cụ máy móc hiện đại.
  - Việc thực hiện lấy mẫu giám định chất lượng than giao nhận được bộ phận KCS thực hiện cùng Công ty cổ phần Giám định - TKV và Công ty Kho vận - Đá bạc - TKV hàng ca, hàng ngày theo từng lô hàng. Công ty cổ phần Giám định - TKV sẽ cấp chứng thư giám định về khối lượng, chất lượng các loại than giao các công ty kho vận, chứng thư giám định làm cơ sở để thanh toán hàng tháng giữa các bên theo qui định của Tập đoàn.

### ***Hiện TVD đang sử dụng hệ thống quản lý chất lượng sau:***

- Hệ thống quản lý chủng loại than: Hiện nay, Công ty Cổ phần than Vàng Danh -TKV đang thực hiện quản lý chất lượng các chủng loại than cục, than cám theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 2279 – 1999 và tiêu chuẩn cơ sở TC02: 2006/TKV. TVD có các chủng loại than theo tiêu chuẩn Việt Nam như than cục từ than cục 2 đến than cục 5, than cám từ than cám 3 đến than cám 6; các chủng loại than theo tiêu chuẩn cơ sở như than cục xô, cục 7, cục 8, than cám 7 (A ÷ C).
  - Hệ thống giám định chất lượng:
    - + Đối với than nguyên khai: Công ty lấy mẫu, sàng mẫu, phân tích thành cấp hạt, gia công mẫu theo TCVN: 1693 – 1995, ISO 1988 – 1975.
    - + Đối với than sạch: giám định chất lượng theo TCVN: 1693 – 1995, ISO 1988 - 1975

## 6.6 Hoạt động Marketing

### ***Quảng bá và xây dựng thương hiệu***

- Để đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao, Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV luôn cố gắng tạo cho mình một phong cách, một hình ảnh riêng để đi sâu vào nhận thức của khách hàng. Xác định rõ mục tiêu, trong thời gian vừa qua, Công ty đã triển khai nhiều hoạt



động quảng bá uy tín và xây dựng thương hiệu logo với khẩu hiệu hành động “Giải pháp trí tuệ thành công bền vững”.

– Cùng với việc xây dựng hình ảnh ra công chúng, Công ty còn tập trung xây dựng văn hóa và thương hiệu doanh nghiệp ngay trong nội bộ công ty nhằm hình thành một văn hóa làm việc tích cực để phát huy sức mạnh của tập thể, tăng cường nội lực và sức mạnh của Công ty.

#### **Hoạt động quảng cáo**

Công ty là đơn vị sản xuất và tiêu thụ than. Thị trường tiêu thụ than đều do Vinacomin trực tiếp ký hợp đồng, Công ty giao than theo kế hoạch do Vinacomin ấn định và Vinacomin thanh toán lại tiền bán than theo từng kỳ cho Công ty nên việc tiếp thị, nghiên cứu thị trường Công ty không phải thực hiện.

#### **6.7 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký**

Nhãn hiệu thương mại: Công ty sử dụng nhãn hiệu TKV (là nhãn hiệu chung của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam) cho tất cả các sản phẩm.

#### **6.8 Các hợp đồng ký kết với TKV từ 2008 đến 2010**

STT	Số hợp đồng	Tên đơn vị ký hợp đồng	Giá trị hợp đồng		Năm thực hiện
			sản lượng (nghìn tấn)	Giá trị (triệu đồng)	
1	153/2010/HĐPHKD	Tập đoàn TKV	3.300	2.033.048	2010
2	308/2009/HĐKD	Tập đoàn TKV	2.900	1.482.433	2009
3	15/2008/HĐKD	Tập đoàn TKV	3.200	1.399.419	2008

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

Hàng năm, CTCP Than Vàng Danh ký hợp đồng nhận thầu khai thác, sàng tuyển than, cải tạo mở rộng xây dựng mới mỏ than, đầu tư phát triển bảo vệ môi trường và cung ứng các sản phẩm khác với đối tác duy nhất là Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam - Vinacomin. Theo hợp đồng số 153/2010/HĐPHKD TVD ký với Vinacomin, năm 2010 TVD sẽ khai thác 3,3 triệu tấn than cung ứng cho Vinacomin. Tính đến hết 30/09/2010 TVD đã khai thác được 2,45 triệu tấn than nguyên khai, thực hiện được 74,25% sản lượng theo hợp đồng.

## **7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất**

### **7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Bảng: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản**

Đơn vị: triệu đồng



TT	Chỉ tiêu	2008		2008 (3)	2009	% tăng giảm 2009 so 2008	30/09/2010
		01/01/2008 - 30/6/2008 (1)	01/7/2008 - 31/12/2008 (2)				
1	Tổng tài sản	816.113	1.042.967	1.042.967	1.037.854	-0,49%	1.152.846
2	Doanh thu thuần	758.086	878.085	1.636.171	1.684.988	2,98%	1.562.949
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.271	45.420	77.691	59.000	-24,06%	52.463
4	Lợi nhuận khác	-510	-92	-602	753	N/A	-632
5	Lợi nhuận trước thuế	31.761	45.328	77.089	59.753	-22,49%	51.831
6	Lợi nhuận sau thuế	22.729	32.480	55.209	44.812	-18,83%	38.873
7	Tỷ lệ trả lợi nhuận trả cổ tức	-	34,18%		44,03%	28,83%	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 CTCP Than Vàng Danh)

(1) Giai đoạn TVD là Công ty Nhà nước

(2) Giai đoạn TVD là Công ty cổ phần

(3) Để phù hợp với số liệu so sánh, số liệu cả năm 2008 bằng số liệu giai đoạn (1) + (2)

#### **Nhận xét:**

Chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần đánh dấu bước ngoặt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. So sánh các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty 2009 với 2008 có thể thấy tăng trưởng doanh thu thuần tăng 2,98%, tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm 24,06% và lợi nhuận trước thuế giảm tương ứng là 22,49%. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty biến động ngược chiều là do năm 2009 Vinacomin áp tỷ lệ lợi nhuận định mức năm chỉ là 3% x chi phí định mức, trong khi năm 2008 tỷ lệ này là 5%. Thêm vào đó năm 2009 chi phí sản xuất của TVD cũng tăng cao do giá cả các nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất như xăng dầu, điện, sắt thép tăng.

Trong 9 tháng đầu năm 2010 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt đúng tiến độ đã đề ra, cụ thể doanh thu thuần đạt hơn 1.562 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 51,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 38,8 tỷ đồng bằng 86,6% so với cả năm 2009. Trong những tháng cuối năm Công ty tập hợp nguồn lực tối đa cho sản xuất nhằm nâng cao sản lượng khai thác, giảm chi phí để đạt vượt mức doanh thu lợi nhuận đã đề ra.



## 7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### 7.2.1 Thuận lợi:

- **Hỗ trợ của các cấp, ngành:** Công ty luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ lớn từ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh và các đơn vị liên quan.
- **Sự thống nhất cao trong nội bộ:** Tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên của TVD luôn đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty cũng như luôn chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu Công ty đã đề ra.
- **Đội ngũ lao động giàu kinh nghiệm, lành nghề:** Đội ngũ lao động tay nghề giỏi, với bề dày kinh nghiệm nhiều năm trong nghề khai thác mỏ là thế mạnh của Công ty, đây là nguồn nội lực giúp Công ty đứng vững trong điều kiện môi trường kinh doanh cạnh tranh và hội nhập mạnh mẽ hiện nay.

### 7.2.2 Khó khăn

- **Hạn chế trong áp dụng cơ giới hóa khai thác:** Đặc thù của Công ty là khai thác, sản xuất than hầm lò, trong khi đó các vỉa than của Công ty lại nằm trong vùng phay phá, uốn nếp nhiều. Trong tổng số các vỉa than từ vỉa 4 đến vỉa 9 của Công ty, có tới 40% vỉa dốc đứng, khoảng 25% vỉa mỏng đặc biệt trong cùng một vỉa không đồng nhất về chiều dày, nhiều phay phá và đứt gãy, uốn nếp dẫn đến việc khó khăn trong áp dụng cơ giới hóa khai thác, hạn chế năng suất lao động.
- **Tình hình khai thác ngày càng khó khăn:** Hiện nay tài nguyên mức thông thủy từ mức +122 lên lộ vỉa đã cạn kiệt, chỉ còn xấp xỉ 5 triệu tấn, để mở rộng sản xuất, công ty phải mở các cặp giếng nghiêng từ +110 xuống phần âm (khoảng - 175). Việc đầu tư khai thác xuống sâu và xa hơn là rất tốn kém; Công nghệ khai thác, vận tải, thông gió, thoát nước, cảnh báo khí Mò... đều phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy phạm do vậy dẫn đến giá thành sản xuất cao.
- **Rủi ro trong vấn đề an toàn lao động:** So với khai thác than lộ thiên, khai thác than hầm lò có độ rủi ro rất cao: Các biến động về địa chất có thể dẫn đến nguy cơ đổ lò; yếu tố kiến tạo và địa hình có thể dẫn đến bụi nước, bụi khí... Những rủi ro trên đều làm tăng chi phí cho công tác an toàn bảo hộ lao động, ảnh hưởng đến năng suất lao động và tâm lý cho con người và sản xuất
- **Sự biến động của nền kinh tế:** Năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009 là thời điểm nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của các doanh nghiệp trong nước, do đó Công ty không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó của kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế Việt Nam.

## 8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 🚩 Thị phần của Công ty so với các doanh nghiệp trong ngành



Khác với các ngành khác, trong ngành than, với sự quản lý và điều tiết của Vinacomin, không có sự cạnh tranh về sản phẩm và thị trường giữa các Công ty khai thác than. Điều này đã được thể hiện tại Điều lệ Công ty cổ phần Than Vàng Danh - TKV:

“Tài nguyên, trữ lượng than do Công ty đang khai thác là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước giao cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam là đại diện chủ sở hữu Nhà nước thống nhất quản lý và không tính vào giá trị tài sản của Công ty. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giao cho Công ty quản lý tài nguyên, trữ lượng này và hàng năm Công ty khai thác than cho Tập đoàn theo hợp đồng giao nhận thầu khai thác, sàng tuyển than.”

Vì vậy, đối với các công ty khai thác than, thị phần tiêu thụ sẽ không được xác định. Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV cũng có vai trò quan trọng như tất cả các công ty khai thác than khác trong việc cung cấp dịch vụ khai thác, đưa nguồn năng lượng than đến các ngành công nghiệp để sử dụng và tạo ra cơ sở vật chất cho xã hội.

Tuy nhiên, xét về mức độ đóng góp của Công ty đối với Tập đoàn, TVD là một đơn vị đứng đầu Tập đoàn về sản lượng khai thác than hầm lò.

**Tình hình tài chính so với một số doanh nghiệp trong ngành**

**Bảng so sánh các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 9 tháng/2010 của TVD với các doanh nghiệp khác cùng ngành**

STT	Chỉ tiêu	TVD	MDC	HLC	NBC	THT
1	Tổng tài sản	1.152.846	691.339	1.095.357	824.150	736.508
2	Vốn chủ sở hữu	152.807	120.850	93.000	60.000	91.000
3	Doanh thu thuần	1.562.949	894.398	915.330	1.498.278	1.081.513
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động sxkd	219.240	101.456	181.575	216.870	133.879
5	Lợi nhuận trước thuế	51.831	37.113	27.177	50.168	33.708
6	Lợi nhuận sau thuế	38.873	27.835	20.383	37.626	30.337
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.544	2.303	2.192	6.271	3.334

(Nguồn: Theo website: [www.hnx.vn](http://www.hnx.vn) và BCTC 9 tháng 2010 TVD)

Ghi chú:

MDC: CTCP Than Mông Dương

HLC: CTCP Than Hà Lâm

NBC: CTCP Than Núi Béo

THT: CTCP Than Hà Tu

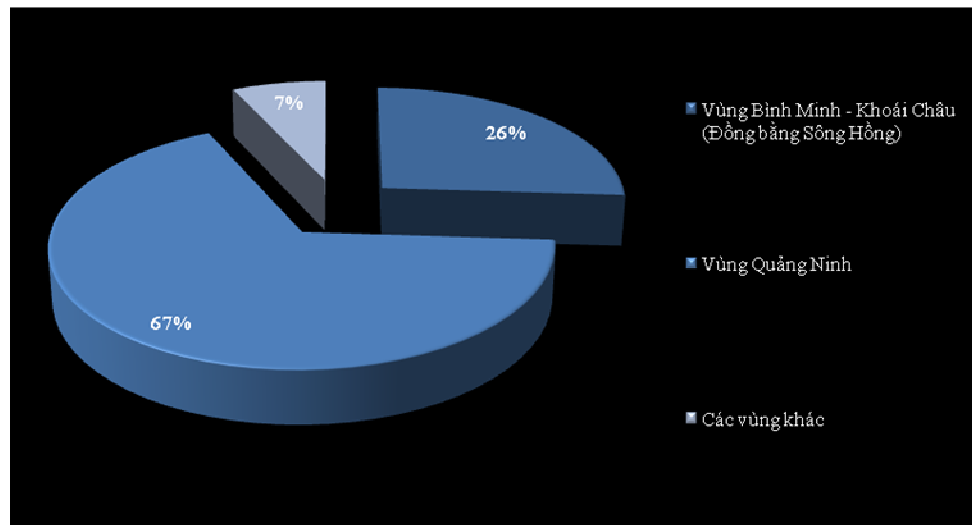
Trừ CTCP Than Núi Béo chuyên khai thác than lộ thiên là chủ yếu, các công ty khác tập trung khai thác than hầm lò. Với những chỉ tiêu tài chính 9 tháng đầu năm 2010 cho thấy TVD là



công ty có quy mô tài sản nguồn vốn, doanh thu thuần lớn nhất, lợi nhuận sau thuế cao nhất, tuy nhiên mức lãi cơ bản sau cổ phiếu thấp hơn so với CTCP Núi Béo và CTCP Than Hà Tu.

### Triển vọng ngành

- Nguồn năng lượng than có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự phát triển của nền kinh tế. Nhu cầu về than gia tăng cùng với yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp chủ chốt, thể hiện tiềm năng phát triển mạnh của ngành than.
- Với tiềm năng về trữ lượng than lớn, tổng trữ lượng than của nước ta đã được khai thác, trên toàn quốc là 6.109,3 triệu tấn. Trữ lượng than Antraxit thăm dò năm 2006 ước đạt 10 tỷ tấn.
- Khu vực Quảng Ninh là nơi tập trung khoảng 67% trữ lượng toàn quốc và cũng có khả năng khai thác lớn nhất. Loại than chủ yếu tại Quảng Ninh là than đá (than antraxit), được sử dụng rộng rãi trong các ngành công nghiệp điện, xi măng, phân bón... Tuy nhiên, khu mỏ Quảng Ninh đã được khai thác từ thời Pháp thuộc, đến nay đã trên 100 năm nên ở những khu mỏ tốt nhất tài nguyên đã bắt đầu phải khai thác ở các tầng (mức sâu hơn)



(Nguồn: Công ty cổ phần Than Vàng Danh-TKV)

Trong những năm gần đây, cả cung và cầu về than Việt Nam đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Theo báo cáo của Vinacomin trong năm 2009 toàn tập đoàn vượt kế hoạch 18% trong đó lượng than sạch khai thác toàn ngành đạt 40,5 triệu tấn, tiêu thụ đạt 43,7 triệu tấn tăng 23,5% so với năm 2008.

Hiện tại, trên thị trường nội địa, ngành điện là khách hàng tiêu thụ than lớn nhất (trung bình 17% tổng cầu). Với tiềm năng hạn chế về thủy điện và nguồn khí đốt tại Việt Nam, vai trò của nhiệt điện chạy bằng than sẽ ngày càng tăng, kéo theo nhu cầu tiêu thụ than ngày càng lớn. Trong năm 2007, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 110/2007/QĐ-TTg về Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2006 – 2015 có xét đến năm 2025, trong đó chi tiết việc xây dựng mới các nhà máy nhiệt điện chạy than và khối lượng than cần cho các nhà máy này hàng năm là rất lớn. Ngoài ra, các ngành tiêu thụ than khác như xi măng, giấy, hoá chất...



cũng đang có tốc độ tăng trưởng cao. Điều này hứa hẹn sức cầu ‘không lồ’ về than trong thập kỷ tới. Do vậy việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong các năm tới là hết sức thuận lợi

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Tình hình lao động hiện nay

✚ Tổng số lao động tại thời điểm 15/10/2010 : 5.984 người.

- Phân theo loại hợp đồng lao động:
  - + Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : 5.960 người;
  - + **Hợp đồng lao động có thời hạn : 05 người**
  - + **Không phải ký Hợp đồng lao động : 19 người**

### 9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

#### 9.2.1 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Ngay sau khi hoạt động theo cơ chế của Công ty cổ phần, TVD đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng Công ty nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.

- Đối với đào tạo: Ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc TVD còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để Người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,... nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt mục tiêu “ Hoàn thiện con người” đồng thời với mục tiêu phát triển bền vững Công ty.

#### 9.2.2 Chính sách tiền lương

- Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.

- Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như đi lại trong làm việc, nhà ở, du lịch, nghỉ mát, vui chơi, giải trí, trợ cấp thai sản...

## 10. Chính sách cổ tức

Cổ tức năm 6 tháng/2008	Cổ tức 2009	Cổ tức 2010 (Dự kiến)
(1)	(2)	
9%	16%	16%



(1) Cổ tức năm 2008 tính từ thời điểm Công ty chuyển thành Công ty cổ phần ngày 01/07/2008

(2) Cổ tức năm 2009 trả bằng cổ phiếu

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### ➤ Trích khấu hao tài sản cố định:

✚ Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo nguyên giá, khấu hao và giá trị còn lại.

✚ Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị : 05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải : 06 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 10 năm
- Các tài sản cố định khác : 04 - 25 năm
- Phần mềm máy tính : 03 - 05 năm

#### ✚ Mức lương bình quân:

- Năm 2007 : 5.210.000 VND/người/tháng
- Năm 2008 : 6.328.000 VND/người/tháng
- Năm 2009 : 6.620.000 VND/người/tháng
- Năm 2010 (dự kiến) : 7.000.000 VND/người/tháng

Mức lương bình quân của Công ty luôn cao trên trung bình của ngành, đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên công ty.

#### ✚ Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay đến hạn.

#### ✚ Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Tính đến 30/09/2010, số dư “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (thuộc khoản mục “Nợ ngắn hạn”) trên bảng cân đối kế toán của Công ty là 30.701 triệu đồng, bao gồm các khoản như sau:

Khoản mục	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
-----------	-------------------------	---------



Thuế giá trị gia tăng	16.604	Đã nộp hết theo chứng từ số 82/10 ngày 19/10/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.386	Thuế phải nộp cho quý III, công ty đã nộp hết theo chứng từ số 152A/1 ngày 26/10/2010
Thuế thu nhập cá nhân*	965	Đã nộp một phần, số dư còn lại 174 triệu đồng theo chứng từ số 82/10 ngày 19/10/2010
Thuế tài nguyên	9.246	Đã nộp hết theo chứng từ số 82/10 ngày 19/10/2010
Các loại thuế khác	1500	Đã nộp hết theo chứng từ số 82/10 ngày 19/10/2010

*Ghi chú: (\*) Tính đến thời điểm 19/10/2010 Công ty còn khoản thuế TNCN chưa nộp là 174 triệu đồng là do TVD trả lương tháng 9 cho CBCNV vào ngày 20- 25 của tháng 10, trong khi, Công ty phải kê khai và nộp thuế TNCN của tháng 9 trước ngày 20/10. Do vậy, ngày 19/10/2010 TVD kê khai và nộp thuế TNCN của tháng 9 theo số tạm tính là 791 triệu đồng. Sau khi trả lương, thuế TNCN tháng 9 thực tế phải nộp của CBCNV phải nộp cho Sở thuế là 965 triệu đồng chênh với số tạm nộp là 174 triệu đồng. Đối với khoản chênh thuế TNCN còn phải nộp này, đến ngày 31/03/2011 khi có báo cáo tài chính năm 2010, TVD sẽ nộp đủ số thuế TNCN theo số hạch toán của cả năm.*

**Trích lập các quỹ theo luật định**

Hàng năm Công ty tiến hành trích lập các quỹ theo đúng luật định và Điều lệ Công ty. Theo Điều 40 của Điều lệ Công ty có quy định lợi nhuận trước thuế của Công ty sau khi nộp thuế TNDN theo quy định, phần còn lại sẽ được trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, chia cổ tức, trích quỹ dự phòng tài chính, trích lập quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi, trong đó quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập không quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích đến khi quỹ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty. Tình hình trích lập các quỹ của Công ty chi tiết như sau:

**Bảng: Tình hình trích lập các quỹ năm 2008, 2009**

*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	2008	2009
Trích quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ (5%)	1.615.382.470	2.240.618.059



Trích lập quỹ đầu tư phát triển của Công ty	5.877.500.080	7.993.070.089
Quỹ thưởng ban quản lý, ban điều hành của Công ty (tối đa 5%/năm nhưng không quá 500 triệu đồng)	250.000.000	500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.464.166.852	14.344.273.023

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2008, 2009 CTCP Than Vàng Danh)

Ghi chú: Công ty Than Vàng Danh chuyển sang Công ty Cổ phần tại thời điểm 01/07/2008

**Bảng: Số dư các quỹ thời điểm 2008, 2009 và 30/09/2010**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
1	Quỹ dự dự trữ bắt buộc bổ xung vốn điều lệ	1.615.382.470	3.856.000.529	-
2	Quỹ đầu tư phát triển	-	7.993.070.089	7.993.070.089
3	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	24.012.455.965	28.304.847.809	18.893.635.951
4	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	250.000.000	500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>24.262.455.965</b>	<b>36.797.917.898</b>	<b>26.886.706.040</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 CTCP Than Vàng Danh)

**✚ Tổng dư nợ vay tính đến thời điểm 30/09/2010.**

- Các khoản vay ngắn hạn : 0 đồng

Chi tiết dư nợ vay trung, dài hạn như sau:

STT	Đơn vị cho vay	Kỳ hạn vay	Tổng số tiền	Lãi suất vay	Mục đích vay
<b>I</b>	<b>Các đơn vị trong TKV</b>		<b>22.281.455.275</b>		
1	Tập đoàn TKV (Ban tài chính)	5 năm	785.480.275	0%	Vay tài trợ dự án đầu tư khai thác than
2	Quỹ Môi trường		3.180.600.000		
3	Cty TNHH 1 thành viên Tài chính - TKV		18.315.375.000		
<b>II</b>	<b>Các Ngân hàng Thương mại</b>	<b>1 - 5 năm</b>	<b>601.874.564.714</b>	<b>từ 10,5% - 13%/năm</b>	<b>vay tài trợ các dự án đầu tư khai thác than</b>



1	NH Công thương	111.910.920.912
2	NH Đầu tư	91.781.237.830
3	NH Ngoại thương	316.948.996.007
4	NH TMCP Hàng Hải - Quảng Ninh	6.705.369.350
5	NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	6.237.594.153
6	NH VIBank	68.290.446.462

(Nguồn: Công ty cổ phần Than Vàng Danh-TKV)

- Công ty không có nợ quá hạn

**Tình hình công nợ hiện nay**

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/09/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Phải thu khách hàng	183.500	91,50%	39.305	65,46%	162.717	85,73%
2	Trả trước cho người bán	2.621	1,31%	3.963	6,60%	8.064	4,25%
3	Các khoản phải thu khác	14.419	7,19%	16.774	27,94%	19.013	10,02%
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn	0	0%	0	0%	1	0%
5	Dự phòng phải thu khó đòi	0	0%	0	0%	0	0%
	<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>200.540</b>	<b>100%</b>	<b>60.042</b>	<b>100%</b>	<b>189.795</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 TVD)

- Trong cơ cấu khoản phải thu ngắn hạn của Công ty, khoản mục phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng cao nhất, năm 2008 chiếm 91,5%, năm 2009 giảm xuống 65,46% và đến hết 9 tháng đầu năm 2010 là 85,73%, tuy nhiên đối với khoản phải thu ngắn hạn này Công ty không đáng lo ngại và không phải trích lập dự phòng là do Công ty chỉ cung cấp than cho TKV, và khoản phải thu này TKV sẽ thanh toán cho TVD khi TKV nhận được thanh toán từ người mua, TKV đảm bảo toàn bộ khoản phải thu này cho TVD. Do đó khoản phải thu là lành mạnh và không có rủi ro.



- Các khoản phải thu khác tại thời điểm 30/09/2010 chủ yếu là các khoản phải thu nội bộ trong Công ty.
- Công ty không có các khoản nợ phải thu khó đòi nên không có dự phòng các khoản phải thu khó đòi.
- **Các khoản phải trả:**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
	<b>NỢ NGẮN HẠN</b>	<b>469.873</b>	<b>283.478</b>	<b>324.156</b>
1	Vay và nợ ngắn hạn	130.235	0	0
2	Phải trả người bán	125.044	105.317	75.457
3	Người mua trả tiền trước	7	552	0
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.453	24.619	30701
5	Phải trả người lao động	89.436	108.115	111.430
6	Chi phí phải trả	1.570	803	48682
7	Phải trả nội bộ	31.093	14.689	3.564
8	Phải trả theo tiến độ xây dựng	0	0	0
9	Phải trả, phải nộp khác	70.035	29.383	35428
10	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			18.894
	<b>NỢ DÀI HẠN</b>	<b>412.073</b>	<b>584.136</b>	<b>628.647</b>
1	Phải trả dài hạn khác	0	692	692
2	Vay và nợ dài hạn	410.236	581.120	624.314
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.837	1.836	3.153
4	Dự phòng phải trả dài hạn	0		0
5	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	488	488
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>881.946</b>	<b>867.614</b>	<b>952.803</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

- Các khoản nợ ngắn hạn của Công ty giảm mạnh từ thời điểm 31/12/2008 so với thời điểm 31/12/2009, từ 469,8 tỷ xuống còn 312,83 tỷ đồng. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn tập trung chủ yếu vào khoản phải trả người bán và phải trả người lao động. Đến hết năm 2009 Công ty không còn khoản vay và nợ ngắn hạn nào. Tính đến 30/09/2010 các khoản nợ ngắn hạn là 324.156 tỷ, chủ yếu là phải trả cho người bán và phải trả người lao động, trong đó khoản phải trả người lao động chiếm hơn 111 tỷ đồng là do Công ty phải trả lương tháng 9/2010 cho người lao động hơn 40 tỷ



đồng, còn lại là khoản trích dự phòng theo lương bằng 17% tổng quỹ lương tương đương với hơn 68 tỷ đồng.

- Tại thời điểm thời điểm 9 tháng 2010 các khoản phải trả người bán đạt hơn 75 tỷ đồng, trong đó khoản phải trả là khách hàng thuộc TKV chiếm chủ yếu với giá trị lên đến hơn 50 tỷ đồng chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp vận tải, cơ khí, và xây lắp. Tuy nhiên khoản phải trả người bán được doanh nghiệp thanh toán ngay sau khi có quyết toán khối lượng, sản lượng hàng tháng, hàng quý. Ngoài ra, khoản phải trả người bán là khách hàng ngoài TKV chiếm hơn hơn 24 tỷ đồng tập trung vào nhiều doanh nghiệp địa phương và các doanh nghiệp đã có quan hệ hợp tác lâu dài với công ty.

- Vay và nợ dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ phải trả của doanh nghiệp, năm 2009 chiếm 67,33%, trong đó vay là nợ dài hạn chiếm đến 584,31 tỷ đồng. Hết Quý III/2010 các khoản vay dài hạn của Công ty là hơn 624 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là các khoản vay Ngân hàng để tài trợ dự án khai thác than. Các khoản vay của Công ty tập trung vào các ngân hàng có quan hệ lâu dài với công ty như Ngân hàng Công thương Việt Nam, ngân hàng đầu tư phát triển Việt Nam, Ngân hàng Hàng Hải, ... Công ty luôn thanh toán đúng hạn các khoản nợ và đảm bảo uy tín với khoản vay của các ngân hàng.

- Các khoản đầu tư khác của Công ty từ năm 2008 đến 30/09/2010:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008		2009	30/09/2010
		01/01/2008 - 30/6/2008	01/7/2008 - 31/12/2008		
<b>I</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>300</b>	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>300</b>
1	Đầu tư dài hạn khác	300	600	600	300
2	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	0	0	0	0
<b>III</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>12.223</b>	<b>4.664</b>	<b>1.555</b>	<b>83,5</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	12.223	4.664	1.555	0
2	Tài sản dài hạn khác	0	0	0	83,5

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 của TVD)

- Công ty không có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. Công ty có đầu tư dài hạn 300 triệu VND vào Công ty CP Tư vấn, đầu tư than Ưông Bí.

- Chi phí trả trước dài hạn là giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá doanh nghiệp.





- Hàng tồn kho

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
<b>I</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>67.626</b>	<b>88.372</b>	<b>73.361</b>
1	Hàng mua đang đi đường	0	0	-
2	Nguyên liệu vật liệu	21.890	19.755	26.944
3	Công cụ, dụng cụ	2.352	1.123	2.347
4	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.228	4.285	16.239
5	Thành phẩm	10.157	61.367	26.890
6	Hàng hóa	1.999	1.842	941
7	Hàng gửi bán	0	0	-
<b>II</b>	<b>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-</b>
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>67.626</b>	<b>88.372</b>	<b>73.361</b>

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý III - 9 tháng/2010 của CTCP Than Vàng Danh-TKV)

Trong cơ cấu hàng tồn kho của Công ty nhóm nguyên liệu, vật liệu và thành phẩm chiếm chủ yếu, riêng năm 2008 chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng tương đối lớn gần 50% tổng giá trị hàng tồn kho, tuy nhiên đến năm 2009 tỷ trọng này giảm xuống chỉ còn khoảng 5%. Thời điểm cuối năm 2009 thành phẩm chiếm tỷ trọng hơn 69% tương ứng với giá trị hơn 61 tỷ đồng chiếm chủ yếu là mặt hàng than cục. Tuy nhiên Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với khoản mục này là do các sản phẩm Công ty khai thác ra đều đã được TKV bao tiêu đầu ra và đảm bảo thanh toán cho TVD theo đúng mức giá giao ban đầu, vì vậy Công ty hoàn toàn không có rủi ro và không phải trích lập dự phòng cho khoản hàng tồn kho thành phẩm này. Tính đến hết 09 tháng đầu năm 2010 tổng giá trị tồn kho thành phẩm của Công ty đã giảm xuống 26,89 tỷ đồng trong đó chủ yếu là các loại than cục.

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng: các chỉ số tài chính chủ yếu năm 2008, 2009**

STT	Chỉ tiêu	2008*	2009
<b>1</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,85	1,23
b	Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ- HTK)/Nợ ngắn hạn	0,71	0,92
<b>2</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>		
a	Nợ/Tổng tài sản	0,85	0,84



b	Nợ/VCSH	4,69	5,28
<b>3</b>	<b>Năng lực hoạt động</b>		
a	Vòng quay hàng tồn kho = GVHB/Hàng tồn kho bình quân	23,86	18,5
b	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,74	1,62
<b>4</b>	<b>Khả năng sinh lời</b>		
a	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,41%	2,66%
b	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) <sup>(1)</sup>	45,40%	36,33%
c	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) <sup>(2)</sup>	5,92%	4,32%
d	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	4,75%	3,50%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008, 2009 của CTCP Than Vàng Danh-TKV)

(\*): Để phù hợp với việc so sánh, các chỉ tiêu tài chính cả năm 2008 được tính trên số liệu cộng gộp giai đoạn CTCP TVD là công ty Nhà nước từ 01/01/2008 – 30/06/2008 và giai đoạn CTCP TVD là công ty cổ phần từ 01/07/2008 – 31/12/2008)

(1), (2) Số liệu ROA và ROE tính trên vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân

## 12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán

### 12.1 Danh sách về HĐQT

Ông : NGUYỄN VĂN TRỊNH	<b>Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty</b>
Họ và Tên	<b>Nguyễn Văn Trịnh</b>
Giới tính	Nam
Quê quán	Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	08/7/1960
Địa chỉ thường trú	Tổ 7, Khu 2, Phường Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ
Chức vụ hiện nay	<b>Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	13.758



Số cổ phần đại diện nắm giữ (thời điểm 7.814.613  
15/10/2010)

**Quá trình công tác:**

- ❖ 4/1983 – 9/1983 Công nhân khai thác, phân xưởng KT3, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 10/1983 – 4/1989 Nhân viên phòng KT – KT, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 5/1989- 8/1996 Bí thư Đoàn thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 9/1996 – 8/1998 Phó phòng ĐĐ- SX, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 9/1998 – 01/2000 Phó phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 02/2000 – 10/2001 Phó phòng An toàn, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 11/2001 – 5/2005 Trưởng phòng An toàn, Trợ lý Giám đốc, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 6/2005 – 6/2008 Phó giám đốc, Công ty than Vàng Danh-TKV
- ❖ 7/2008 đến 04/2010 Phó giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh- TKV
- ❖ Từ 15/04/2010 đến nay Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

Số cổ phần của những người có liên 6.194  
quan

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

🚩 Ông: **KHUẤT MẠNH THẮNG** Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty

Họ và Tên **Khuất Mạnh Thắng**



Giới tính	Nam
Quê quán	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	16/3/1969
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, Khu 7, Phường Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng công trình ngầm và mỏ
Chức vụ hiện nay	<b>Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh – TKV</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	855

**Quá trình công tác:**

- ❖ 5/1992 – 3/1993 Công nhân lộ thiên, Mỏ than 5
- ❖ 4/1993 – 3/1999 Nhân viên Phòng Kỹ thuật, Mỏ than Bảo Đài
- ❖ 4/1999 – 5/2002 Nhân viên Phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 6/2002 – 10/2003 Phó Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 11/2003 – 10/2005 Trưởng phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 11/2005 – 6/2006 Trưởng phòng An toàn, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 7/2006 – 10/2006 Chuyên viên VP-TĐ, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 11/2006 – 4/2007 Quản đốc Phân xưởng KT11, Công ty than Vàng Danh TKV
- ❖ 5/2007 – 6/2008 Phó Giám đốc Công ty than Vàng Danh- TKV
- ❖ 7/2008 -12/4/2010 Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh –



❖ 13/4/2010 đến nay	TKV
	Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP than Vàng Danh - TKV
Số cổ phần của những người có liên quan	342
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Chức vụ tại các đơn vị khác	Không


🚩 Ông : **NGUYỄN TIẾN PHƯỢNG** Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Họ và Tên	<b>Nguyễn Tiến Phượng</b>
Giới tính	Nam
Quê quán	Trịnh Xá, Bình Lục, Hà Nam
Ngày tháng năm sinh	01/5/1958
Địa chỉ thường trú	tổ 2, khu 3, Phường Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ
Chức vụ hiện nay	<b>Ủy viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh – TKV</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	13.873

**Quá trình công tác:**

❖ 7/1981 – 3/1988 Cán bộ kỹ thuật, mỏ than Mông Dương



	– Khe Chàm
❖ 3/1988 – 02/1995	Nhân viên Phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
❖ 3/1995 – 10/1997	Phó phòng KT-KT, Mỏ than Vàng Danh
❖ 11/1997 – 7/1998	Trợ lý Giám đốc, Mỏ than Vàng Danh
❖ 8/1998 – 6/2008	Phó Giám đốc Công ty than Vàng Danh-TKV
❖ 7/2008 đến nay	Phó Giám đốc, Ủy viên HĐQT Công ty CP Than Vàng Danh- TKV
Số cổ phần của những người có liên quan	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Chức vụ tại các đơn vị khác	Không
 Ông: <b>ĐẶNG VĂN KHAM</b>	Ủy viên HĐQT- Chủ tịch Công đoàn
Họ và Tên	<b>Đặng Văn Kham</b>
Giới tính	Nam
Quê quán	Đông Phú, Đông Hưng, Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	10/10/1952
Địa chỉ thường trú	Tổ 28c, Khu 8, Phường Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư khai thác mỏ



Chức vụ hiện nay Ủy viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Than Vàng Danh-TKV

Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 3.797  
15/10/2010)

**Quá trình công tác:**

- ❖ 7/1973 – 6/1986 Công nhân khai thác, Phân xưởng KT2, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 7/1986 – 7/1988 Phó quản đốc Phân xưởng KT4, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 8/1988 – 3/2000 Quản đốc phân xưởng KT4, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 4/2000 – 9/2001 Phó Chủ tịch Công đoàn, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 10/2001 – 6/2008 Chủ tịch Công đoàn, Công ty than Vàng Danh – TKV
- ❖ 7/2008 đến nay Ủy viên HĐQT - Chủ tịch Công đoàn Công ty CP Than Vàng Danh – TKV

Số cổ phần của những người có liên 0  
quan

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

🚩 Ông: **ĐINH QUANG MINH** Ủy viên HĐQT

Họ và Tên **Đinh Quang Minh**

Giới tính Nam

Quê quán Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam



Ngày tháng năm sinh	25/05/1960
Địa chỉ thường trú	Số 126 Tuệ Tĩnh, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ điện mỏ
Chức vụ hiện nay	<b>Ủy viên HĐQT, Phó Bí thư Đảng ủy Công ty CP than Vàng Danh - TKV</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	1.426

**Quá trình công tác:**


- ❖ 4/1982 - 5/1984 Công nhân Phân xưởng Cơ điện lò, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 6/1984 - 12/1985 Đội trưởng Phân xưởng Cơ điện lò, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 01/1986 - 12/1992 Phó quản đốc Phân xưởng Cơ điện lò, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 01/1993 - 10/2001 Quản đốc phân xưởng Cơ điện lò, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 11/2001 - 7/2004 Phó phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 8/2004 - 11/2004 Nhân viên phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 12/2004 - 01/2005 Phó phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 2/2005 - 8/2005 Quyền Trưởng phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 9/2005 - 6/2008 Trưởng phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh - TKV





❖ 7/2008 - 12/4/2010	Trưởng phòng Cơ điện, Công ty CP than Vàng Danh - TKV
❖ 13/4/2010 đến nay	Ủy viên HĐQT - Phó Bí thư Đảng ủy Công ty CP than Vàng Danh - TKV
Số cổ phần của những người có liên quan	1.426
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không

### 12.2 Danh sách về Ban Kiểm soát

 Ông : <b>PHẠM XUÂN VINH</b>	<b>Trưởng Ban Kiểm soát</b>
Họ và Tên	<b>Phạm Xuân Vinh</b>
Giới tính	Nam
Quê quán	Quang Lịch - Kiến Xương – Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	26/12/1958
Địa chỉ thường trú	Tổ 12, Khu 2, Phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế
Chức vụ hiện nay	<b>Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – TKV</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	50



**Quá trình công tác:**

- ❖ 1984 - 1987 Kế toán Công ty than Hà Tu
- ❖ 1987 - 1990 Kế toán Tổng hợp XN Vận tải Than Hòn Gai
- ❖ 1990 - 1992 Kế toán trưởng khách sạn Phương Đông - Hạ Long
- ❖ 1992 - 1996 Phó phòng Kế toán Công ty than Hòn Gai
- ❖ 1996 - 1997 Trưởng Phòng Kế toán - Kiểm toán, Công ty Than Hòn Gai
- ❖ 1997 -2004 Kế toán trưởng Công ty Than Hòn Gai
- ❖ 2004 – 6/2008 Phó Ban kiểm toán Tập đoàn TKV
- ❖ 7/2008 đến nay Phó Ban kiểm toán Tập đoàn TKV kiêm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – TKV

Số cổ phần của những người có liên quan 0

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

**Ông : VŨ BÌNH TỶ**

**Thành viên Ban Kiểm Soát**

Họ và Tên

**Vũ Bình Tỷ**

Giới tính

Nam

Quê quán

Đông Kinh, Đông Hưng, Thái Bình

Ngày tháng năm sinh

07/5/1966

Địa chỉ thường trú

Tổ 28, Khu 8, Quang Trung, Ưông Bí, Quảng Ninh



Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế
Chức vụ hiện nay	<b>Thành viên BKS Công ty CP Than Vàng Danh – TKV</b>
Số cổ phần cá nhân nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	1.140

**Quá trình công tác:**

- ❖ 10/1987 – 10/1990 Thủ kho Xí nghiệp Xây lắp 5
- ❖ 11/1990 – 12/2000 Nhân viên Phòng Kế hoạch – Tiêu thụ, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 01/2001 – 9/2001 Nhân viên Phòng Kế hoạch, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 10/2001 – 5/2003 Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Than Vàng Danh
- ❖ 6/2003 – 8/2007 Phó phòng Kế hoạch vật tư Xí nghiệp than Thành Công
- ❖ 9/2007 – 12/2007 Phó phòng Lao động Tiền lương Công ty Than Vàng Danh
- ❖ 01/2008- 6/2008 Phó phòng Kế hoạch Công ty than Vàng Danh
- ❖ 7/2008 đến nay Phó phòng kế hoạch, kiêm uỷ viên BKS Công ty CP Than Vàng Danh – TKV

Số cổ phần của những người có liên quan 0

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không



Chức vụ tại các đơn vị khác	Không
<b>✚ Bà : NGUYỄN THỊ LUYẾN</b>	<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>
Họ và Tên	<b>Nguyễn Thị Luyện</b>
Giới tính	Nữ
Quê quán	Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
Ngày tháng năm sinh	24/8/1963
Địa chỉ thường trú	Tổ 1, Khu 6, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư kinh tế mỏ
Chức vụ hiện nay	<b>Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – TKV</b>
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	2.378
<b>Quá trình công tác:</b>	
❖ 2/1987 – 10/2006	Nhân viên Phòng TK-KT-TC Công ty than Vàng Danh
❖ 11/2006 – 6/2008	Nhân viên Phòng Đầu tư xây dựng &MT Công ty than Vàng Danh
❖ 7/2008 đến nay	Nhân viên Phòng ĐTXD&MT kiêm Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty CP Than Vàng Danh – TKV
Số cổ phần của những người có liên quan	1.426
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không





- ❖ 6/1993 – 7/1994 Phó quản đốc Phân xưởng K3, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 8/1994 – 2/1995 Nhân viên Phòng Cơ điện, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 3/1995 – 7/2004 Trưởng Phòng Cơ điện, Công ty Than Vàng Danh
- ❖ 8/2004 – 11/2004 Phó phòng Cơ điện, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 01/2005 – 5/2006 Trợ lý Giám đốc, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 6/2006 – 6/2008 Phó Giám đốc, Công ty than Vàng Danh – TKV
- ❖ 7/2008 đến nay Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh – TKV

Số cổ phần của những người có liên 0  
quan

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

🚩 Ông: **PHÙNG ĐÌNH HOÀ** Phó Giám đốc

Họ và Tên **Phùng Đình Hoà**

Giới tính Nam

Quê quán Yên Khánh, Ý Yên, Nam Định

Ngày tháng năm sinh 02/08/1955

Địa chỉ thường trú Tổ 14A, Khu 4, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh

Dân tộc Kinh

Trình độ văn hóa 10/10





Địa chỉ thường trú	Tổ5, Khu 11, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện nay	<b>Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh - TKV</b>
Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 15/10/2010)	14.100

**Quá trình công tác:**

- ❖ 01/1980 – 03/1987 Công nhân khai thác phân xưởng KT2, KT9, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 4/1987 – 4/1993 Cán bộ chuyên trách Đoàn Thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 5/1993- 2/1995 Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 3/1995 – 6/1997 Cán bộ chuyên trách Đảng ủy, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 7/1997 – 11/2001 Phó phòng BV-TT-QS, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 12/2001- 02/2003 Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 03/2003 – 8/2005 Trưởng Ban tổ chức Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 9/2005 – 5/2008 Phó Bí thư, Trưởng ban tổ chức Đảng ủy, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 6/2008 -06/2010 Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh- TKV
- ❖ 7/2010 đến nay UV BTV Đảng ủy than Quảng Ninh, Bí thư Đảng ủy, Phó Giám đốc Công ty





Số cổ phần của những người có liên quan 855

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

🚩 Ông: **PHAN XUÂN THỦY** - Phó Giám đốc

Họ và Tên **Phan Xuân Thủy**

Giới tính Nam

Quê quán Thụy Quỳnh, Thái Thụy, Thái Bình

Ngày tháng năm sinh 21/05/1978

Địa chỉ thường trú Tổ 1, Khu 1, Thanh Sơn, Uông Bí, Quảng Ninh

Dân tộc Kinh

Trình độ văn hóa 12/12

Trình độ chuyên môn Kỹ sư khai thác mỏ

Chức vụ hiện nay **Phó Giám đốc Công ty CP Than Vàng Danh - TKV**

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 342  
15/10/2010)

**Quá trình công tác:**

- ❖ 08/2001 – 11/2002 Công nhân khai thác phân xưởng KT7, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 12/2002 – 11/2005 Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 12/2005- 6/2006 Phó Quản đốc phân xưởng KT6, Công ty than



	Vàng Danh
❖ 7/2006 – 10/2006	Nhân viên Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh
❖ 11/2006 – 02/2008	Phó Quản đốc phân xưởng KT11, Công ty than Vàng Danh
❖ 03/2008- 05/2008	Phó Phòng KT-KT, Công ty than Vàng Danh - TKV
❖ 06/2008 – 4/2010	Quản đốc phân xưởng KT1, Công ty CP than Vàng Danh - TKV
❖ 5/2010 đến nay	Phó Giám đốc Công ty CP than Vàng Danh - TKV
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Chức vụ tại các đơn vị khác	Không

#### 12.4 Kế toán trưởng

🚩 Ông: <b>ĐINH QUANG LUNG</b>	Kế toán trưởng
Họ và Tên	<b>Đinh Quang Lung</b>
Giới tính	Nam
Quê quán	Thanh Tân, Kiến Xương, Thái Bình
Ngày tháng năm sinh	08/01/1953
Địa chỉ thường trú	Tổ 19A, Khu 4, Vàng Danh, Uông Bí, Quảng Ninh
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế



Chức vụ hiện nay **Kế toán trưởng Công ty CP than Vàng Danh – TKV**

Số cổ phần nắm giữ (thời điểm 15/10/2010) 1.940

**Quá trình công tác:**

- ❖ 01/1975 – 9/1976 Công nhân khai thác phân xưởng C78, K1, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 10/1978 – 5/1988 Nhân viên phòng TK-KT-TC, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 6/1988 – 02/2001 Phó phòng TK-KT-TC, Mỏ than Vàng Danh
- ❖ 3/2001- 6/2008 Kế toán trưởng, Công ty than Vàng Danh
- ❖ 7/2008 đến nay Kế toán trưởng, Công ty CP than Vàng Danh, TKV

Số cổ phần của những người có liên quan 6.899

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Các khoản nợ đối với công ty Không

Lợi ích liên quan đối với công ty Không

Chức vụ tại các đơn vị khác Không

**13. Tài sản**

**13.1 Bảng kê tài sản cố định từ thời điểm 31/12/2009 và 30/09/2010**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TS khác	Tổng cộng
<b>Đến 31/12/2009</b>						
<b>Nguyên giá</b>	766.144	217.315	262.330	13.415	37.232	<b>1.296.436</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	330.238	136.839	161.306	9.515	26.586	<b>664.484</b>



<b>Giá trị còn lại</b>	435.906	80.476	101.024	3.900	10.646	<b>631.952</b>
<b>Đến 30/09/2010</b>						
<b>Nguyên giá</b>	888.125	245.700	276.215	13.329	37.232	<b>1.460.601</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	456.505	172.422	182.917	11.539	31.883	<b>855.266</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	431.620	73.278	93.298	1.790	5.349	<b>605.335</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 và BCTC 9 tháng/2010 của CTCP Than Vàng Danh)

### 13.2 Tình hình Tài sản cố định vô hình thời điểm 31/12/2009 và 30/09/2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tài sản cố định vô hình
<b>Đến 31/12/2009</b>	
<b>Nguyên giá</b>	743
<b>Hao mòn lũy kế</b>	723
<b>Giá trị còn lại</b>	20
<b>Đến 30/09/2010</b>	
<b>Nguyên giá</b>	743
<b>Hao mòn lũy kế</b>	743
<b>Giá trị còn lại</b>	0

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2009 và BCTC 9 tháng/2010 của CTCP Than Vàng Danh)

#### Danh mục tài sản cố định có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đến ngày 30/09/2010

Đơn vị: đồng

Tên thiết bị	Số lượng	Năm sản xuất	Ngày 30/09/2010	
			Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>Máy móc, thiết bị công tác</b>			<b>84.889.189.264</b>	<b>16.262.705.434</b>
Máy xúc đá hầm lò	21	1994-2010	23.114.978.170	5.327.446.427
Máy cào đá hầm lò	3	2009-2010	855.618.976	549.093.295



Máy xúc gạt lộ thiên	19	1990-2009	35.472.346.073	3.484.871.145
Máy sàng than	29	2005-2010	11.272.861.896	4.218.334.823
Trạm bơm dung dịch nhũ hóa	13	2003-2010	5.028.465.030	2.682.959.744
Xe khoan TAROK CRAWLEZ	1	2005	4.508.370.175	0
Máy đào lò AM-50Z	1	2005	4.636.548.943	0
<b>Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn</b>			<b>215.367.608.359</b>	<b>72.502.754.761</b>
Xe ô tô chở công nhân	25	1996-2010	16.508.990.644	3.360.679.900
Xe ô tô con điều hành sản xuất	9	1994-2009	6.638.521.446	1.265.177.816
Xe ô tô tải chở than + vật liệu	75	1992-2010	58.199.311.035	12.448.866.778
Xe ô tô cầu + xe nâng hàng	8	1996-2009	5.265.463.954	1.324.741.375
Băng tải hầm lò	13	2006-2010	22.847.728.814	5.124.150.339
Hệ thống băng tải giếng chính	1	2006	9.462.146.507	614.766.156
Băng tải B1000 giếng chính Cánh gà	1	2010	17.513.423.289	14.595.041.572
Máng cào tải than SGB420/22	34	2006-2010	7.660.355.350	4.717.649.411
Máng cào tải than SGB620/40	3	2008	1713.000.000	691.544.445
Máng cào tải than MC 80/15	201	2006-2010	44.643.180.040	17.478.551.343
Tàu điện ắc quy + cần vệt	39	2003-2010	24.915.486.916	10.881.585.626
<b>Tài sản cố định khác</b>			<b>209.583.910.553</b>	<b>49.954.869.420</b>
Giá thủy lực di động XDY-1/2TLY	100	2009	3.914.439.603	2.147.051.278
Giá thủy lực di động XDY-1/2TLY	01 ct	2002	5.089.528.412	0
Giá thủy lực di động ZH-1600	250	2008	26.960.687.789	4.366.139.819
Thiết bị phương tiện vận tải khác			173.619.254.749	43.441.678.323

(Nguồn: Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-TKV)



### 13.3 Tình hình đất đai đang sử dụng

Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang quản lý là 1.412.846,2 m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích được sử dụng trong kinh doanh là 1.387.666,7 m<sup>2</sup> và là đất thuê, không được tính vào giá trị doanh nghiệp. Cụ thể tình hình sử dụng đất đai thực tế tại Công ty như sau:

**Biểu tổng hợp sử dụng đất tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp**

STT	Loại đất (chia theo mục đích sử dụng)	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )
1	Đất thuê sử dụng trong kinh doanh	1.387.666,70
<i>a</i>	<i>Thuê dài hạn (từ 10 – 30 năm)</i>	<i>728.437,50</i>
-	<i>Khu văn phòng công ty</i>	<i>18.113</i>
-	<i>Nhà xưởng, kho bãi, mặt bằng cửa lò, đường vận chuyển than</i>	<i>710.324,50</i>
<i>b</i>	<i>Thuê ngắn hạn (từ 2 – 5 năm)</i>	<i>659.229,20</i>
-	<i>Các lộ via, bãi thải than</i>	<i>649.949,70</i>
-	<i>Mặt bằng cửa lò rãnh gió +136 TVD (thông gió)</i>	<i>1.287</i>
-	<i>Mặt bằng cửa lò khu DVD (nhà xưởng)</i>	<i>7.992,50</i>
2	Phục vụ phúc lợi, công cộng	25.179,50
	<b>Tổng diện tích đất đang quản lý</b>	<b>1.412.846,20</b>

(Nguồn: CTCP Than Vàng Danh-TKV)

## 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty đến năm 2011

### 14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 - 2011

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2011	% tăng giảm so năm 2010
Than nguyên khai	Tấn	3.300.000	3.500.000	6,06%
Than sạch	Tấn	2.811.000	2.975.000	5,83%
Mét lò đào mới	m	42.575	45.936	7,89%
Bóc đất lộ via	m <sup>3</sup>	2.750.000	2.550.000	-7,27%
Tiêu thụ than	Tấn	2.820.000	2.975.000	5,50%
Doanh thu tổng số	tỷ đồng	2.033,048	2.389,955	17,56%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	54,916	64,771	17,95%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	41,187	48,578	17,95%



LNST/Doanh thu	%	2,03%	2,03%	
LNST/Vốn CSH	%	26,95%	31,79%	
Cổ tức	%	16%	N/A	

(Nguồn: Kế hoạch SXKD năm 2010 được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên CTCP TVD năm 2010, Kế hoạch SXKD năm 2011 được CTCP TVD đề xuất trong tờ trình số 9451/TTr-TVD-KH xin phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh quý IV, tháng 10 năm 2010 và năm 2011 trình TKV.)

#### 14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch nói trên

Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010 và 2011 như trên là có tính tới các yếu tố sau đây.

##### **✦ Dự báo về phát triển kinh tế Việt Nam**

Mặc dù trong năm 2009 kinh tế Việt Nam chịu nhiều tác động của khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng 5,23% so với năm 2008. Trong năm 2010 mục tiêu tăng trưởng Chính phủ đề ra là 6,5%, mục tiêu này là bằng chứng cho thấy Chính phủ Việt Nam vẫn đánh giá thị trường Việt Nam sẽ là một thị trường tiềm năng và có sức tăng trưởng tốt trong những năm tới. Theo Tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (IDE), các lĩnh vực sản xuất công nghiệp và dịch vụ phát triển mạnh mẽ được kỳ vọng sẽ dẫn hướng nền kinh tế Việt Nam phát triển với tốc độ cao hơn sau khi Chính phủ áp dụng các biện pháp kích cầu hiệu quả và phù hợp. Do đó, ngành than luôn là ngành mũi nhọn, tiên phong cho nền kinh tế phát triển.

##### **✦ Phương hướng hoạt động của Công ty**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Cổ phần tiếp tục kế thừa cơ sở vật chất, lao động, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Than Vàng Danh -TKV để phát triển. Trên cơ sở những thuận lợi sẵn có và những yếu tố tích cực do mô hình hoạt động theo hình thức cổ phần tạo ra, Công ty sẽ không ngừng mở rộng sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tiếp tục củng cố duy trì sản lượng khai thác, mở rộng vùng khai thác, hoàn thành các mục tiêu của Công ty và Tập đoàn đề ra, Công ty tiếp tục mở rộng và tập trung vào các hoạt động chính như:

- Đẩy mạnh đầu tư xây dựng cơ bản;
- Tư vấn xây dựng các công trình khai thác hầm lò;
- Mua bán vật tư thiết bị xây dựng;
- Hợp tác đào tạo nâng cao trình độ các cán bộ, công nhân ...

Ngoài việc phân đầu tăng tổng sản lượng khai thác, nâng cao chất lượng than khai thác, Công ty còn rất chú trọng đến đảm bảo an toàn lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



Do vậy, vấn đề đảm bảo an toàn cho người lao động luôn là vấn đề được Công ty đặt ưu tiên lên hàng đầu trong tất cả các mục tiêu, các giai đoạn phát triển của Công ty.

**✚ Các dự án đầu tư phát triển của Công ty**

Hiện tại Công ty đang đầu tư vào hai dự án khai thác lớn mang lại nhiều lợi nhuận cho Công ty:

- *Dự án đầu tư khai thác phân lò giếng khu Vàng Danh:* Được thiết kế một cặp giếng với chiều dài trung bình mỗi đường lò >500m, tiết diện 14,5m<sup>2</sup>. Cửa lò chính từ mức + 110 xuống ±0 với độ dốc 11 ÷ 15 độ, dự án được triển khai từ cuối năm 2002 với tổng vốn đầu tư 505 tỷ. Đến nay cặp giếng này đã đạt và vượt công suất thiết kế là 900.000 tấn/ năm. Năm 2010 Công ty tiếp tục đầu tư đào giếng xuống mức -175 với tổng mức đầu tư: 1.954 tỷ để mở ra nguồn trữ lượng công nghiệp cả khu này là 45,3 triệu tấn.

- *Dự án đầu tư khai thác phân lò giếng khu Cánh Gà-mỏ than Vàng Danh:* Khai thác từ mức +130 đến - 50, triển khai từ năm 2006 với tổng vốn đầu tư là 1.208 tỷ. Than khu Cánh Gà thuộc loại than Antraxit có mức độ biến chất cao, than màu đen có ánh kim loại đến bán kim, vết vỡ vỏ sò. Than giòn, dễ vỡ, trong than có nhiều khe nứt thứ sinh vì vậy than nguyên khai có tỷ lệ than cám cao từ 50-75%, trung bình trên 70%. Sản phẩm than từ khu Cánh Gà chủ yếu để sản xuất vật liệu xây dựng và làm chất đốt, dự kiến phần lớn cung cấp cho Nhà máy nhiệt điện Uông Bí. Cặp giếng nghiêng Cánh Gà hoàn thành sẽ mở ra diện khai thác mới với trữ lượng CN 25 triệu tấn than, công suất 1,5 triệu tấn/năm, trong năm 2010 phần đầu có 02 lò chợ ra than ở khu này.

- *Đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển than Vàng Danh – 2:* giai đoạn 1 với công suất thiết kế 2,0 triệu tấn/năm, dự kiến 2014 hoàn thành; giai đoạn 2 đến năm 2029 mở rộng thêm dây chuyền với công suất 1,5 triệu tấn, nâng tổng công suất đạt 3,5 triệu tấn năm với tổng mức đầu tư 812 tỷ đồng, đáp ứng cho việc phân loại sản phẩm than khu Giếng Cánh Gà và Than thùng. Đầu năm 2010, Công ty đã thông qua điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy tuyển Than Vàng Danh – 2 từ 812 tỷ đồng lên 1.006,7 tỷ đồng để đáp ứng với thay đổi về mặt công nghệ kỹ thuật và chi phí dự án.

- Ngày 09 tháng 06 năm 2009 Công ty đã khởi công dự án mở rộng khu giếng Vàng Danh – Đào giếng từ mức +110 xuống mức -175.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ giới hoá đồng bộ trong khai thác: Dàn VINAALTA, dàn KDT-1, giá khung ZH...

**✚ Dự kiến sản lượng than khai thác đến năm 2015**

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015
<b>Sản lượng</b>	3.300.000 t	3.500.000 t	3.700.000 t	3.700.000 t	3.800.000 t	4.500.000 t

(Nguồn: kế hoạch sản xuất kinh doanh CTCP Than Vàng Danh năm 2010 đến năm 2015)

**✚ Hợp đồng giao thầu khai thác và kế hoạch đăng ký với TKV**





Bên cạnh kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng Cổ đông thông qua, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty còn được xây dựng phù hợp với kế hoạch phát triển của Tập đoàn TKV. Năm 2010, Công ty được Tập đoàn TKV giao kế hoạch sản lượng là 3,3 triệu tấn than nguyên khai theo Hợp đồng giao thầu khai thác, sàng tuyển than năm 2010 giữa Tập đoàn TKV và Công ty. Năm 2011 theo tờ trình xin phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 của Công ty gửi tập đoàn, Công ty dự kiến đăng ký kế hoạch sản lượng than nguyên khai là 3,5 triệu tấn, tỷ lệ than sạch đạt 85%, doanh thu đạt 2.389,95 tỷ đồng, lợi nhuận cả năm đạt trên 64 tỷ đồng. Dựa trên kế hoạch Công ty xin phê duyệt, TKV sẽ xem xét khả năng thực hiện của Công ty, theo đó sẽ quyết định khối lượng than giao thầu khai thác. Do vậy Công ty thường đạt hoặc vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra.

#### **🚩 Tình hình sản xuất kinh doanh 3 quý đầu năm 2010**

Tính đến hết Quý III/2010, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có nhiều thuận lợi, các chỉ tiêu chính đều đạt được mức tăng vượt so với kế hoạch đề ra, cụ thể là:

+ Sản xuất than nguyên khai	: 2.450.290 tấn = 74,25 % so kế hoạch năm;
+ Tiêu thụ sản phẩm	: 2.073.579 tấn = 73,53% so kế hoạch năm;
+ Doanh thu tổng số	: 1.571 tỷ đồng = 77,27 % so kế hoạch năm;
+ Lợi nhuận trước thuế	: 51,8 tỷ đồng = 94,43% so kế hoạch năm

Quý IV là thời điểm mùa khô, rất thuận lợi cho hoạt động khai thác than của Công ty. Trong khi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty đạt được kế hoạch cho 3 quý, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt hơn 94% kế hoạch cả năm. Do đó, có thể khẳng định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010 sẽ đạt được theo kế hoạch đã đưa ra.

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – TKV để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Than Vàng Danh – TKV. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty, VIS nhận thấy kế hoạch sản lượng và lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kế hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản nói riêng, và phương hướng phát triển ngành năng lượng Việt Nam nói chung.

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

- Không có



## 17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng

- Không có

## III. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Loại cổ phiếu niêm yết : cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết : **15.280.790** cổ phiếu

Tổng giá trị chứng khoán niêm yết : **152.807.900.000** VNĐ

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là:

Trong đó:

#### **Cổ đông sáng lập**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5700101877 sửa đổi lần 2 ngày 07/09/2010 số cổ phần bị hạn chế của Cổ đông sáng lập là: 7.848.322 cổ phần. Số lượng cổ phần trên đã bao gồm 05 cổ đông vừa là Cổ đông sáng lập vừa là thành viên HĐQT gồm ông Nguyễn Văn Trinh, Nguyễn Tiến Phụng, Đặng Văn Kham, Khuất Mạnh Thắng, Định Quang Minh.

Quy định về hạn chế chuyển nhượng: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 của Luật Doanh nghiệp: Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của công ty.

Sau thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Như vậy, kể từ khi Công ty được cấp giấy ĐKKD lần đầu là 01/07/2008 thì đến hết 01/07/2011 hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập sẽ hết hiệu lực.

**Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày cấp giấy ĐKKD lần đầu 01/07/2008
1	<b>Tập Đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam Đại diện phần vốn Nhà nước NGUYỄN VĂN TRỊNH</b>	số 226 Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	7.814.613	7.814.613
2	<b>NGUYỄN VĂN TRỊNH</b>	Tổ 7, Khu 2, Phường Quang Trung, TX Ông Bí, Quảng Ninh	13.758	13.758
3	<b>ĐẶNG VĂN KHAM</b>	Tổ 28, Khu 8, Phường Vàng Danh, TX Ông Bí, Quảng Ninh	3.797	3.797
4	<b>NGUYỄN TIẾN PHƯƠNG</b>	Tổ 2, Khu 3, Phường Thanh Sơn, TX Ông Bí, Quảng Ninh	13.873	13.873
5	<b>KHUÁT THẮNG MẠNH</b>	Tổ 7, Khu 1, phường Yên Thanh, thị xã Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh	855	855
6	<b>ĐINH MINH QUANG</b>	Tổ 126 Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, thị xã Ông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1.426	1.426
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>7.848.322</b>	<b>7.848.322</b>

**🚧 Cổ đông chủ chốt của Công ty**

- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGĐ, KTT : **56.568** cổ phần  
100% số cổ phần do thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng công ty nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết là 56.568 cổ phần và 50% số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo là 28.284 cổ phần

**Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng đối với thành viên chủ chốt của Công ty**

Stt	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết	
				6 tháng	01 năm
<b>I Hội đồng quản trị</b>					
1	Nguyễn Văn Trịnh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	13.758	13.758	6.879
2	Khuất Mạnh Thắng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	855	855	428
3	Đình Quang Minh	Ủy viên HĐQT	1.426	1.426	713
4	Nguyễn Tiến Phụng	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	13.873	13.873	6.937
5	Đặng Văn Kham	Ủy viên HĐQT kiêm CT C.Đoàn	3.797	3.797	1.899
<b>II Ban Giám đốc</b>					
1	Nguyễn Quang Trung	Phó Giám đốc	1.426	1.426	713
2	Phùng Đình Hòa	Phó Giám đốc	1.483	1.483	742
3	Trịnh Xuân Thòa	Phó Giám đốc	14.100	14.100	7.050
4	Phan Xuân Thủy	Phó Giám đốc	342	342	171
<b>III Ban Kiểm soát</b>					
1	Phạm Xuân Vinh	Trưởng ban KS	50	50	25
2	Vũ Bình Ty	Thành viên ban KS	1.140	1.140	570
3	Nguyễn Thị Luyến	Thành viên ban KS	2.378	2.378	1.189
<b>IV Kế toán trưởng</b>					
1	Đình Quang Lung	Kế toán trưởng	1.940	1.940	970
<b>Tổng cộng</b>				<b>56.568</b>	<b>28.284</b>

Ghi chú: Ông Nguyễn Văn Trịnh, Nguyễn Tiến Phụng, Đặng Văn Kham, Khuất Mạnh Thắng, Đình Quang Minh chịu giới hạn chuyển nhượng theo cam kết của Thành viên HĐQT, đồng thời chịu giới hạn chuyển theo quy định về giới hạn chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập.



## 5. Phương pháp tính giá

- **Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:**

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Nguồn kinh phí và quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- **Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2009 :**

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{170.239.767.231 - 28.673.196.533}{12.334.000} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2009} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= 11.478 \text{ VND} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2009} & \end{aligned}$$

- **Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 30/09/2010 :**

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{200.042.528.028 - 368.348.724}{15.280.790} \\ \text{tại thời điểm 30/09/2010} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= 13.067 \text{ VND} \\ \text{tại thời điểm 30/09/2010} & \end{aligned}$$

*(Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Cổ phần từ ngày 01/7/2008)*

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

– Sau khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Căn cứ theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội..

– Hiện tại tỷ lệ nắm giữ cổ phần của người nước ngoài tại Công ty là ,081% tương ứng với 12.389 cổ phần.



## 7. Các loại thuế có liên quan

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*: Công ty đang thực hiện đóng thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%/năm.
- *Thuế giá trị gia tăng*: Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10% đối với sản phẩm than. Từ 01/02/2009 thuế suất giảm 5%.
- *Thuế tài nguyên*: Thuế tài nguyên được tính bằng sản lượng than sạch khai thác x đơn giá tính thuế x % thuế suất từng loại than, thuế tài nguyên được thanh toán hàng tháng sau khi Công ty đã quyết toán được sản lượng khai thác than sạch của từng loại.

## IV. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN - AASC**

Trụ sở : số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.38241190 Fax: 04.38253973

### 2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3944 5888 Fax: (84-4) 3944 5889

#### **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Q1, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 2930 Fax: (84-8) 3915 2931

## V. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III : Biên bản xác định giá trị tài sản khi cổ phần hóa
4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, 2009 và 7 tháng/2010
5. Phụ lục V : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 thông qua việc niêm yết cổ phiếu
6. Phụ lục VI : Quy trình nội bộ về công bố thông tin
7. Phụ lục VII : Quy chế quản trị Công ty



Quảng Ninh, ngày 15 tháng Năm 2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - TKV**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

  
NGUYỄN VĂN TRỊNH

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**





**ĐINH QUANG LUNG**

**PHẠM XUÂN VINH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
PHẠM LINH